

# BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN



TUẦN THỬ THÁCH TRƯỚC NGHỈ LỄ

Ngày: 09/02/2026 – 13/02/2026

# NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN

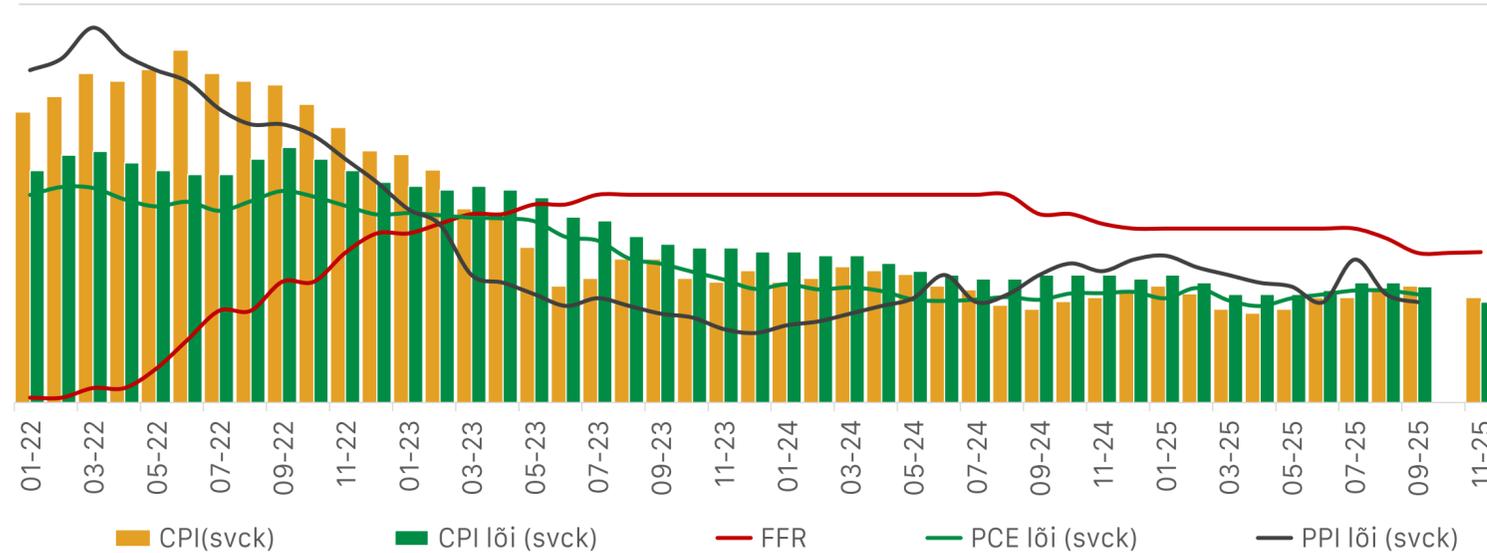


# TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

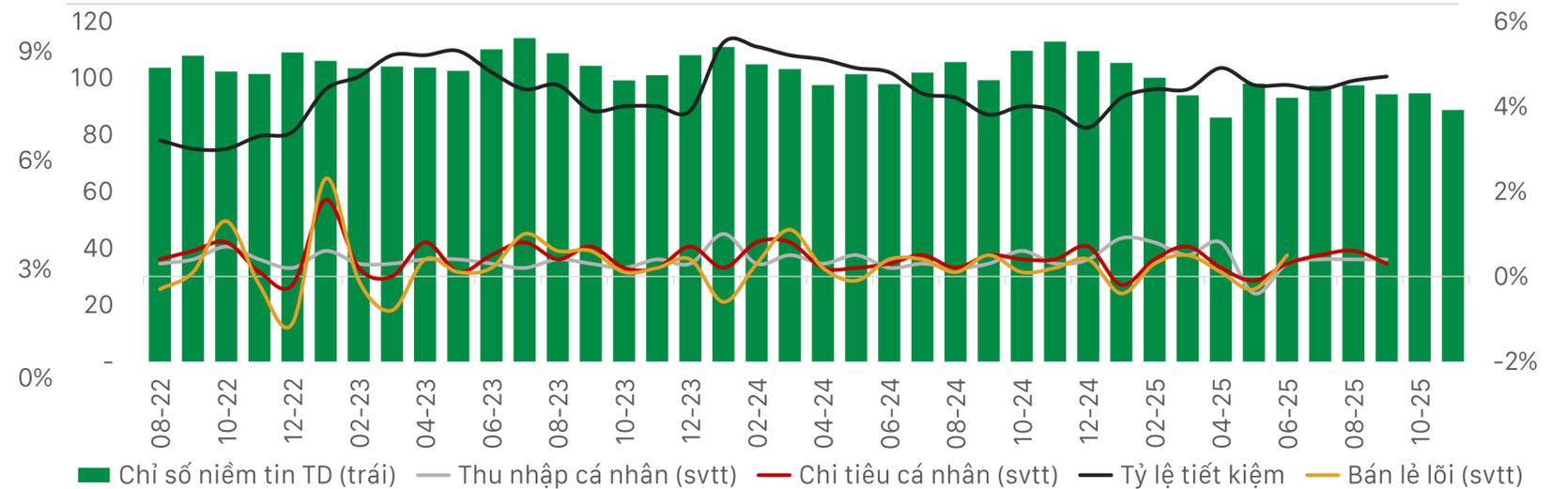


Kinh tế Mỹ cho thấy đà tăng trưởng ổn định nhưng không bùng nổ, được hỗ trợ bởi tiêu dùng nội địa vững và cải thiện một số cân đối ngoại thương, trong khi thị trường lao động và lạm phát đều hạ nhiệt so với giai đoạn trước. Điều này tạo điều kiện cho Fed duy trì quan điểm thận trọng trong nới lỏng chính sách tiền tệ: tiếp tục giảm dần lãi suất nếu dữ liệu kinh tế mềm và lạm phát ổn định quanh mục tiêu. Tuy nhiên, những rủi ro ngoại sinh tiếp tục chi phối bức tranh kinh tế — đặc biệt là từ căng thẳng chính sách thuế quan/thuế nhập khẩu, điều kiện tài chính toàn cầu, và bất ổn địa chính trị — có thể gây ra biến động lớn tới các kênh đầu tư và thương mại. Đồng thời, tăng trưởng việc làm có thể chậm lại hơn kỳ vọng, gây ảnh hưởng tới tiêu dùng nếu điều này kéo dài.

## Tăng trưởng kinh tế giữ được xung lực ở mức vừa phải.

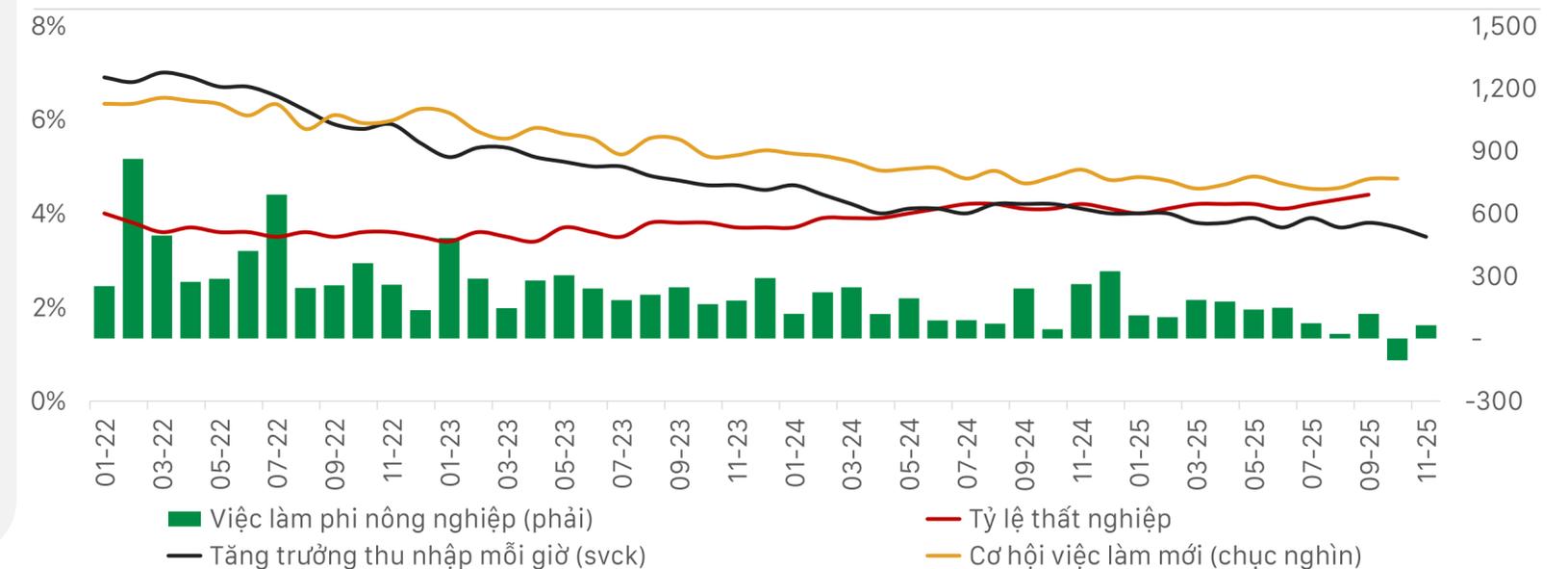


## Chính sách tiền tệ & kỳ vọng thị trường tài chính thận trọng.



**Tăng trưởng kinh tế giữ được xung lực ở mức vừa phải.** Nhìn chung xu hướng này dựa trên sức chi tiêu tiêu dùng còn tương đối mạnh, doanh số bán lẻ và thu nhập doanh nghiệp báo cáo tích cực. Trong khi đó, thâm hụt tài khoản vãng lai thu hẹp mạnh trong quý III/2025 cho thấy cán cân ngoại thương có một số cải thiện, phần nào hỗ trợ tăng trưởng tổng thể. **Thị trường lao động và lạm phát — dấu hiệu hạ nhiệt.** Thị trường lao động Mỹ có dấu hiệu "nguội" hơn: dù vẫn tạo việc làm nhưng áp lực tuyển dụng giảm, với nhiều doanh nghiệp thận trọng hơn trong mở rộng quy mô đội ngũ. Kết hợp với dữ liệu CPI/core PCE gần sát kỳ vọng, điều này cho thấy lạm phát tiếp tục xu hướng giảm và không gây áp lực lên chi phí vốn, tạo dư địa cho Fed theo hướng thận trọng hơn trong nới lỏng chính sách. Biến động của Đồng USD yếu đi trong thời gian gần đây cũng phản ánh kỳ vọng thị trường về xu hướng chính sách tiền tệ sau nhiều đợt Fed cắt lãi. **Chính sách tiền tệ & kỳ vọng thị trường tài chính thận trọng.** Fed trong cuối năm 2025 đã quyết định cắt giảm lãi suất (khoảng 25–50 bp) và thị trường kỳ vọng Fed sẽ tiếp tục điều chỉnh nới lỏng từ từ trong năm 2026, dựa trên dữ liệu lao động hạ nhiệt và lạm phát kiểm soát được. Điều này hỗ trợ tài chính doanh nghiệp và tiêu dùng nhưng cũng gắn với cảnh báo tăng rủi ro tài sản/định giá thị trường nếu lãi suất quá thấp trong bối cảnh tăng trưởng toàn cầu còn nhiều bất định..

## Thị trường lao động và lạm phát — dấu hiệu hạ nhiệt.

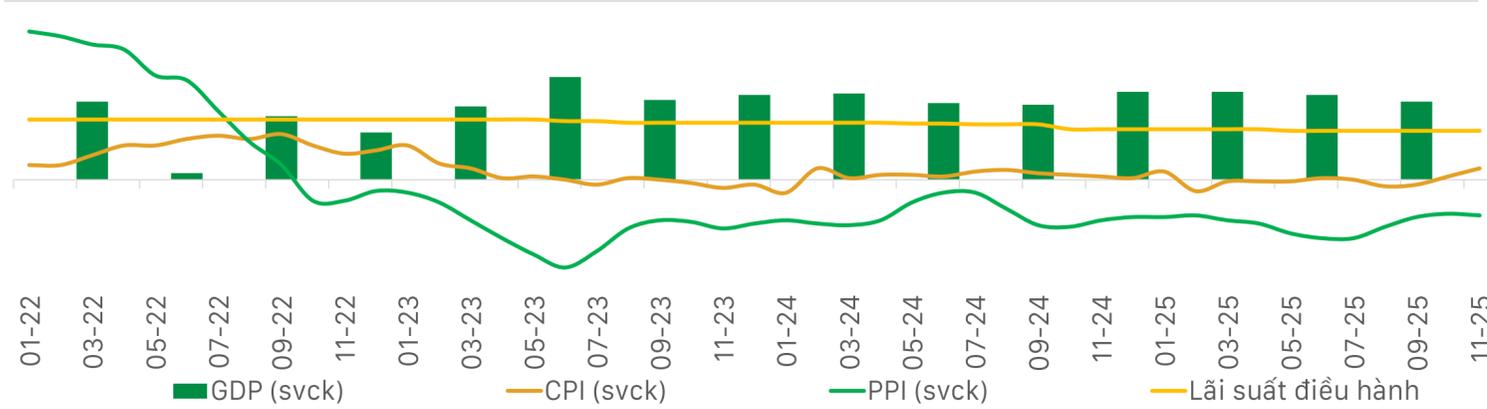


# Trung Quốc duy trì tăng trưởng “ổn định nhưng vẫn dễ tổn thương” — xuất khẩu mạnh, nội lực yếu và rủi ro tiêu dùng kéo dài



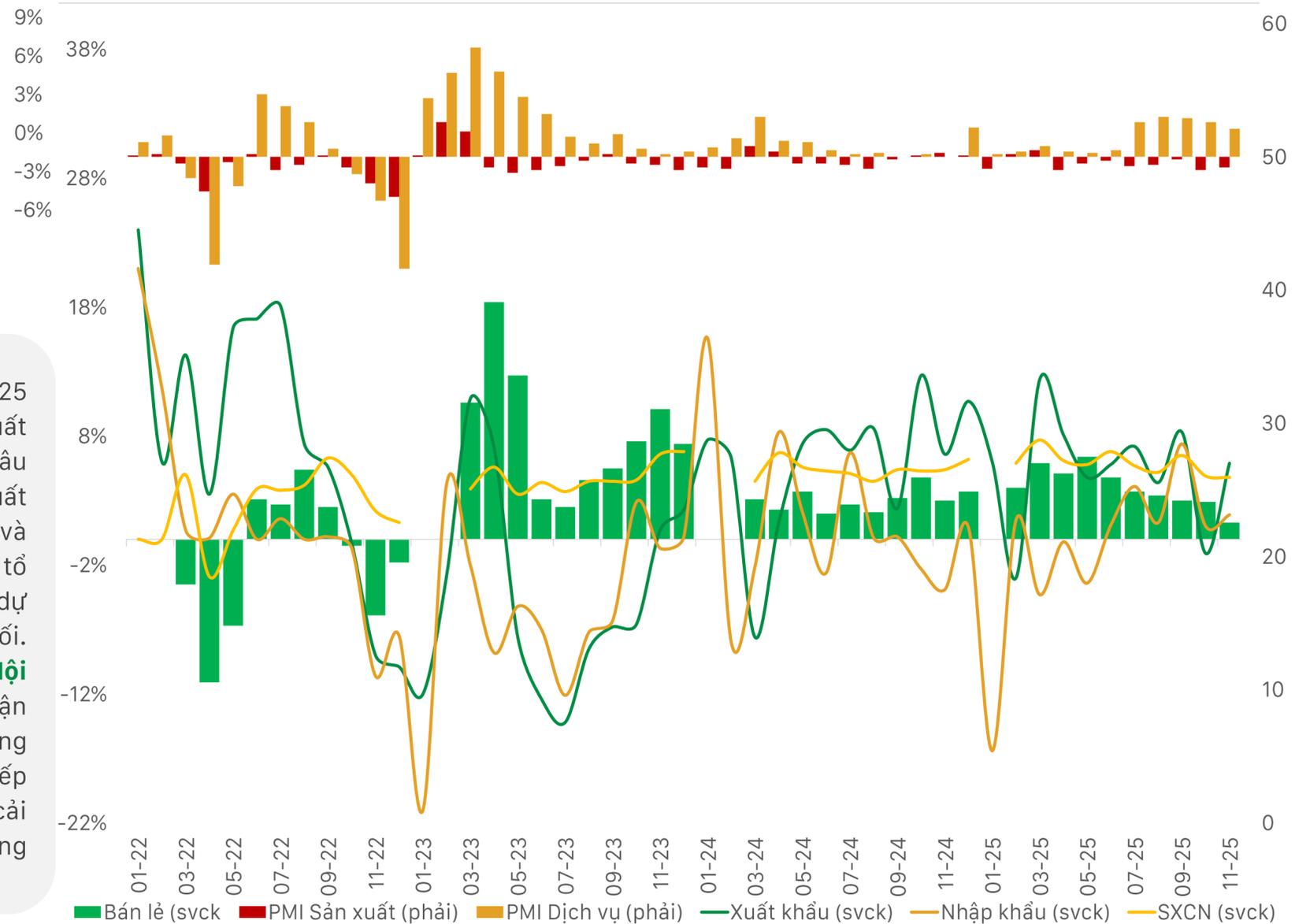
Bức tranh kinh tế Trung Quốc phản ánh ổn định trong bối cảnh thách thức kéo dài: xuất khẩu mạnh mẽ giúp duy trì tăng trưởng tổng thể, nhưng nội lực vẫn yếu, với tiêu dùng và đầu tư tư nhân chưa thể bù đắp cho sự chậm lại của thị trường bất động sản và chi phí dư địa chính sách hạn chế. Dự báo tăng trưởng khoảng 4,4–4,8 % trong 2026 cũng cho thấy tốc độ mở rộng kinh tế không còn nhanh như trước và phụ thuộc mạnh vào yếu tố bên ngoài. Trong ngắn hạn, các rủi ro trọng yếu là: Tiêu dùng nội địa tiếp tục chậm phục hồi, co kéo từ tâm lý tiết kiệm và thu nhập thực tế yếu. Bất động sản vẫn là điểm nghẽn cấu trúc lâu dài, làm giảm sức cầu của hộ gia đình và bộc lộ rủi ro tài chính địa phương. Thuế quan và môi trường thương mại quốc tế biến động mạnh sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới định hướng xuất khẩu và chuỗi cung ứng. Do đó, trong nửa đầu 2026, Trung Quốc vẫn cần duy trì chính sách hỗ trợ có trọng tâm — bao gồm kích thích tài khóa linh hoạt, chính sách tiền tệ phù hợp và các biện pháp thúc đẩy tiêu dùng — để đảm bảo nền kinh tế không rơi vào vòng xoáy tăng trưởng giảm tốc kéo dài và để từng bước cải thiện nội lực trong trung hạn.

## Tăng trưởng GDP dự báo tiếp tục tương đối khiêm tốn.



**Xuất khẩu tiếp tục là trụ cột tăng trưởng nhưng dự báo chậm lại.** Trung Quốc kết thúc năm 2025 với mức thặng dư thương mại kỷ lục gần 1,2 nghìn tỷ USD, bất chấp áp lực thuế quan từ Mỹ khiến xuất khẩu sang thị trường này giảm mạnh. Hàng hóa Trung Quốc vẫn mở rộng thị phần sang ASEAN, châu Phi và EU, hỗ trợ tăng trưởng tổng thể. Tuy nhiên, nhiều tổ chức phân tích dự báo tăng trưởng xuất khẩu sẽ thu hẹp lại trong 2026 (chỉ ~3 % theo Goldman Sachs), do hiệu ứng dự trữ thương mại dự và thuế quan vẫn là rủi ro kéo dài. **Tăng trưởng GDP dự báo tiếp tục tương đối khiêm tốn.** Theo các tổ chức lớn như Goldman Sachs, IMF và OECD, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2026 của Trung Quốc dự kiến ở mức vừa phải (~4,4–4,8 %), thấp hơn mức đà tăng 2025 nhưng vẫn duy trì sự ổn định tương đối. Điều này phản ánh yếu tố đầu tư, tiêu dùng nội địa và thị trường bất động sản vẫn kém tích cực. **Nội lực yếu — tiêu dùng và bất động sản tiếp tục là điểm nghẽn.** Các báo cáo vĩ mô nhìn chung nhận định tâm lý tiêu dùng vẫn dè dặt và thị trường bất động sản chưa có phục hồi rõ nét, làm giảm đóng góp của nội lực vào GDP. OECD và World Bank nhấn mạnh chính sách tài khóa và tiền tệ sẽ cần tiếp tục hỗ trợ để bù đắp cho sự yếu đi của cầu nội địa. Trong khi đó, các thỏa thuận thương mại mới và cải thiện môi trường mở cửa quốc tế có thể giúp giảm bớt sức ép bên ngoài nhưng không đủ tạo ra động lực thay đổi cục diện ngắn hạn.

## Xuất khẩu tiếp tục là trụ cột tăng trưởng nhưng dự báo chậm lại.

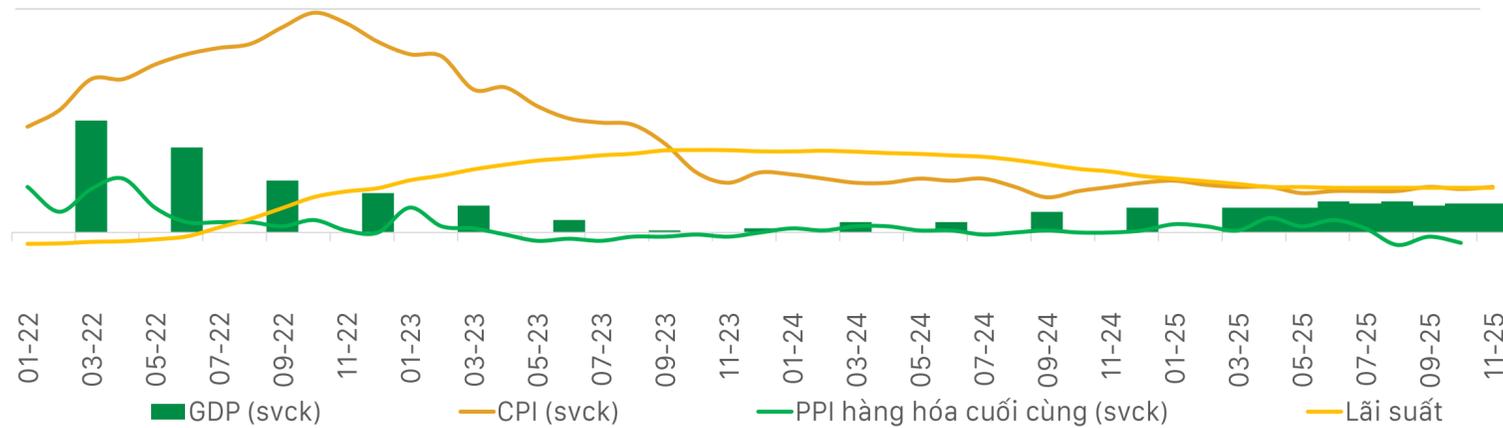


# Châu Âu — ổn định kinh tế nhưng vận hành “chậm và rủi ro tăng trưởng”



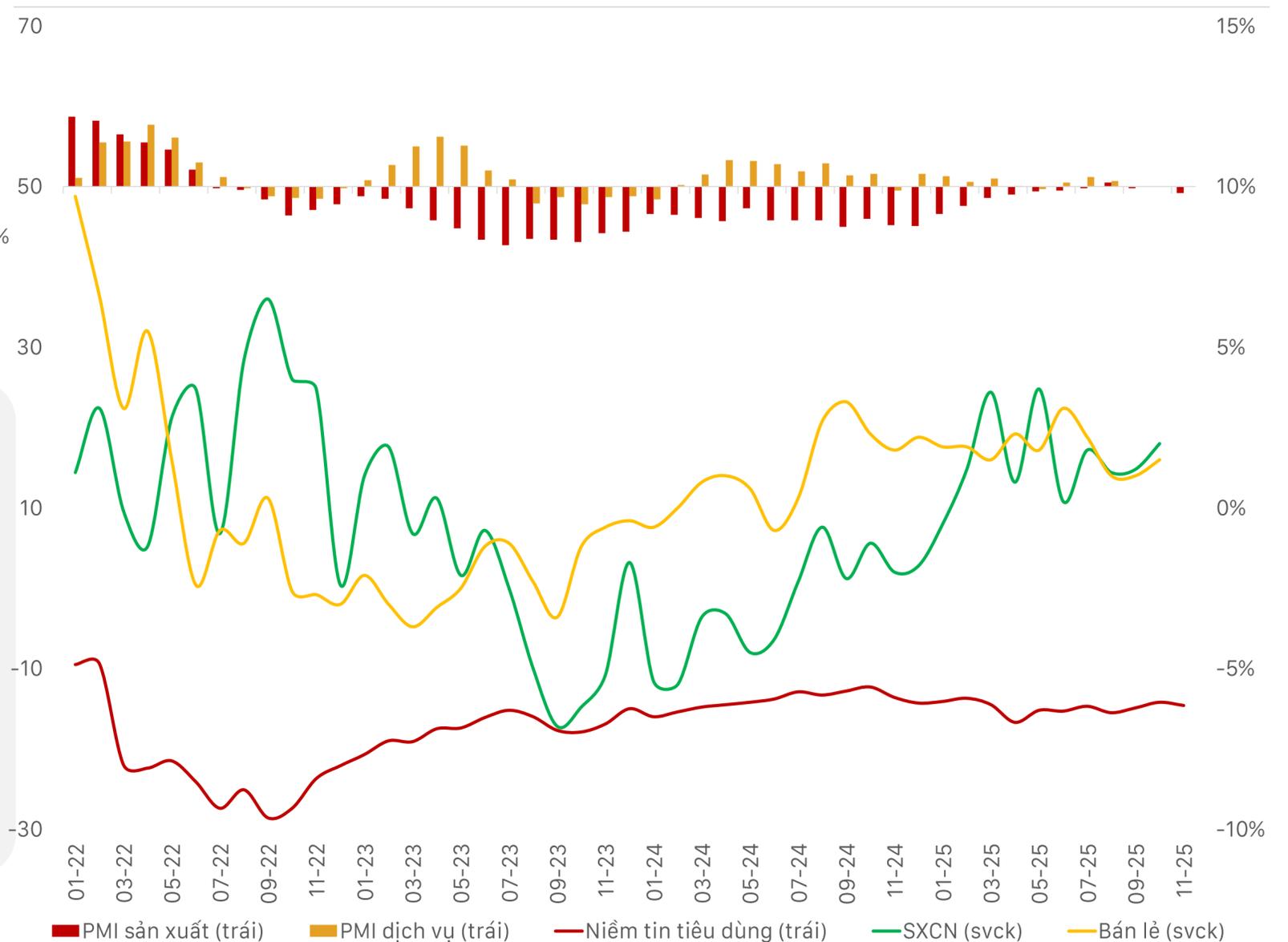
Bức tranh kinh tế Châu Âu là ổn định nhưng vận hành chậm và dễ tổn thương: tăng trưởng vẫn diễn ra ở mức vừa phải, với dịch vụ là động lực chính, còn sản xuất và đầu tư tư nhân chưa mạnh. Quá trình giảm lạm phát gần mục tiêu làm giảm áp lực chính sách tiền tệ, nhưng cũng làm giảm các “đòn bẩy” để thúc đẩy cầu mạnh hơn—tạo ra một môi trường mà tăng trưởng duy trì ở tốc độ chậm. Chính sách tài khóa đang được chú trọng hơn tại cấp quốc gia (như Pháp hay Đức), phản ánh cách tiếp cận phối hợp tiền tệ—tài khóa cần thiết để bù đắp cho nhu cầu yếu. Các rủi ro nổi bật gồm: Giảm phát kéo dài nếu yếu tố cầu không cải thiện; Thách thức ngân sách công và yêu cầu tăng chi cho an ninh, đầu tư công; Phân hóa nội khối mạnh hơn, khiến các nền kinh tế lớn và nhỏ đối mặt rủi ro khác nhau. Dự báo ngắn hạn: GDP khu vực Eurozone tiếp tục tăng trưởng giảm nhịp nhưng bền vững hơn (trung bình ~1.0–1.3 % trong 2026). Lạm phát được dự báo duy trì gần hoặc dưới mục tiêu trung hạn ~2 % nếu quá trình giảm phát tiếp tục. Chính sách tiền tệ rất thận trọng; ECB có thể giảm lãi suất hạn chế để cân bằng rủi ro tăng trưởng mà không làm tổn hại ổn định giá cả. Tóm lại: Châu Âu trong đầu năm 2026 đang cân bằng giữa ổn định giá cả và duy trì tăng trưởng, nhưng cần phối hợp chính sách tài khóa mạnh hơn nhằm tăng lực cầu nếu muốn vượt ra khỏi “đà chậm” hiện tại.

## Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức thấp, động lực phục hồi còn yếu.



**Kinh tế tiếp tục tăng trưởng chậm nhưng ổn định.** Thống kê và phân tích gần đây cho thấy kinh tế Châu Âu vào đầu năm tiếp tục trạng thái tăng trưởng vừa phải, với hoạt động dịch vụ tương đối bền vững bù đắp cho sản xuất còn yếu. CPI theo báo cáo mới của Eurozone đã hạ lại khoảng 2 %, phản ánh quá trình “giảm phát nhẹ” tiếp diễn và giúp giảm áp lực lên giá cả tiêu dùng. **Rủi ro tài khóa và chính sách quốc gia rõ rệt.** Lãnh đạo các nước lớn cảnh báo cạnh tranh và an ninh tài khóa là vấn đề trọng tâm: Pháp đối mặt nguy cơ “vùng nguy hiểm” nếu thâm hụt ngân sách vượt 5 % GDP và cần biện pháp ổn định tài khóa. Đồng thời, Đức kêu gọi tinh thần “chủ nghĩa Châu Âu”, tăng cường sản xuất nội khối và giảm phụ thuộc vào biến động thương mại toàn cầu. **Áp lực giảm phát dai dẳng và yếu tố cầu thiếu lực kéo.** Một số phân tích mới cảnh báo Châu Âu đang đối mặt với xu hướng thấp lạm phát bền vững, có nguy cơ rơi vào “bẫy giảm phát” nếu cầu nội địa không được kích thích mạnh mẽ hơn—do tiêu dùng và đầu tư tư nhân còn yếu. Yếu tố này đặt ra áp lực lên các nhà hoạch định chính sách trong việc cân bằng tăng trưởng và giá cả.

## Lạm phát hạ nhiệt, ECB duy trì lập trường chính sách thận trọng

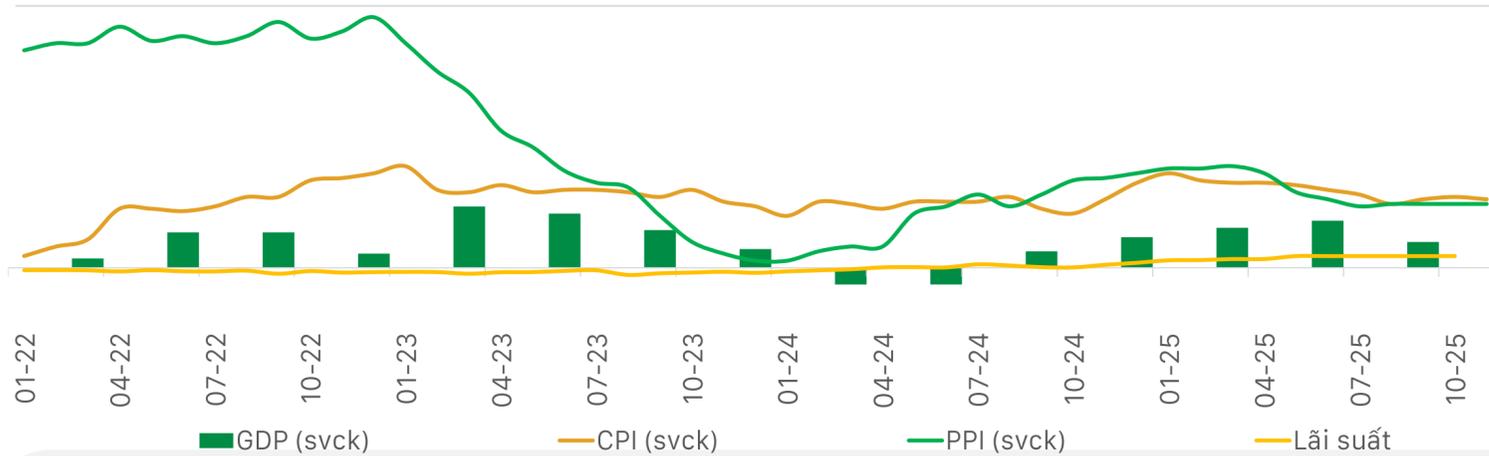


# Nhật Bản trong giai đoạn “bình thường hóa nhưng căng thẳng” — tăng trưởng chậm, BOJ thận trọng và áp lực tỷ giá



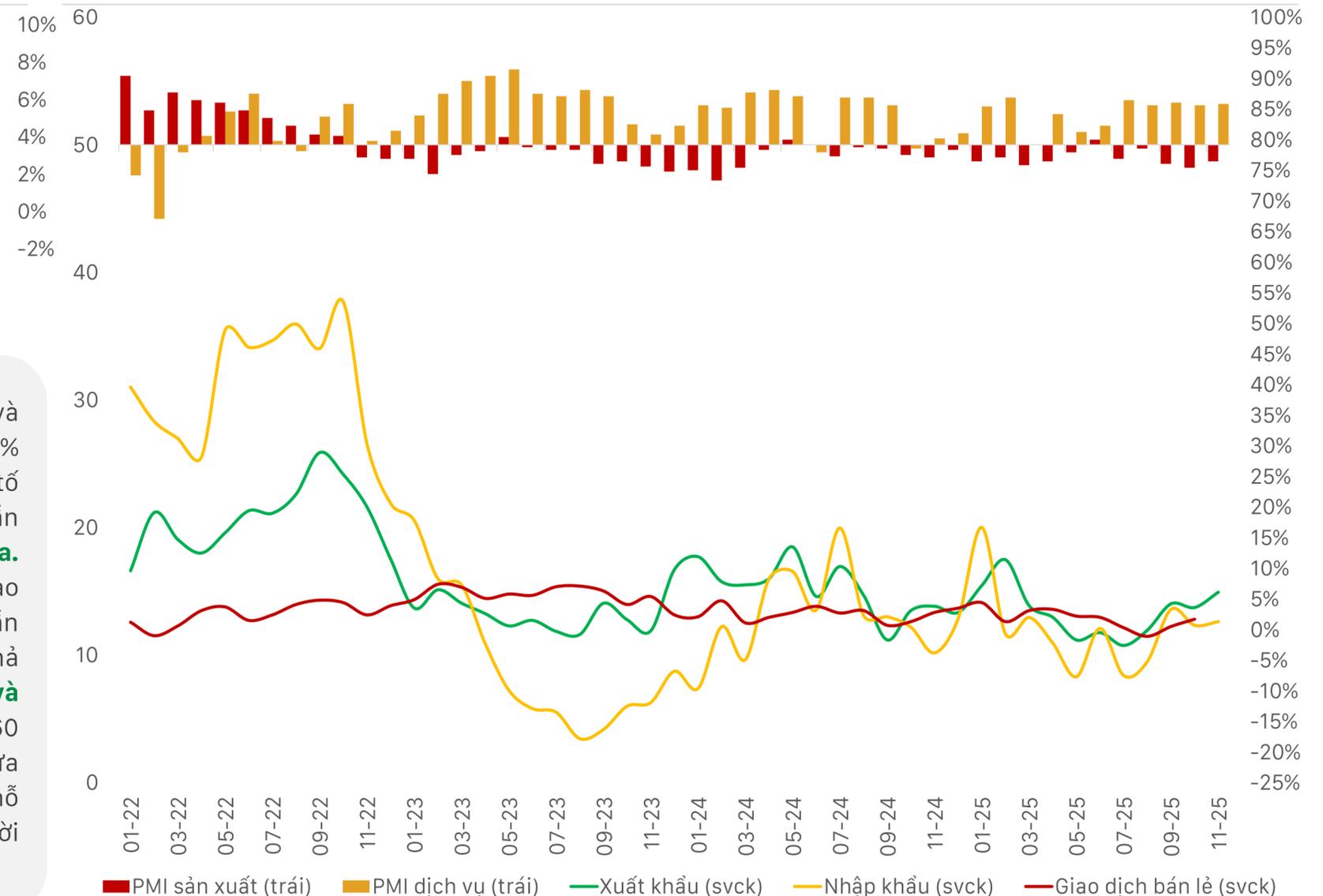
Nền kinh tế Nhật Bản tiếp tục trong giai đoạn chuyển đổi chính sách tiền tệ và tài khóa, với tăng trưởng ở mức thấp và các rủi ro cấu trúc nổi bật. Xu hướng bình thường hóa tiền tệ được thể hiện qua việc BoJ tăng lãi suất, nhưng phải cân bằng rất thận trọng giữa kiểm soát lạm phát và duy trì động lực tăng trưởng, nhất là khi tiêu dùng và đầu tư tư nhân chưa cải thiện mạnh mẽ hơn. Các rủi ro chủ yếu bao gồm: Tăng trưởng yếu kéo dài, làm giảm lực kéo từ nội lực và gây áp lực cho chính sách tài khóa; Đồng yên tiếp tục biến động mạnh, tác động tiêu cực lên chi phí nhập khẩu và giảm sức mua của người tiêu dùng; Lạm phát đầu vào tăng do tỷ giá, khiến BoJ phải cân nhắc kỹ lưỡng trong quyết định chính sách tiếp theo. Dự báo ngắn hạn (Q1–Q2/2026): Tăng trưởng GDP tiếp tục cao hơn mức âm nhưng vẫn yếu, dự kiến dưới 1% nếu không có cú sốc tích cực từ xuất khẩu hay tiêu dùng; BoJ có thể duy trì hoặc tăng nhẹ lãi suất nếu dữ liệu lạm phát và tiền lương hỗ trợ; Biến động USD/JPY và giá nhiên liệu thế giới sẽ là yếu tố quyết định tới chi phí trong nước và chính sách tiền tệ. Nhìn chung, Nhật Bản đang đối mặt với “bình thường hóa căng thẳng” — cố gắng đưa chính sách tiền tệ về trạng thái ít lệ thuộc QE quá lâu, nhưng phải xử lý đồng thời tăng trưởng yếu, yên suy yếu và lạm phát đầu vào không đều.

## BoJ tiếp tục lộ trình bình thường hóa chính sách tiền tệ.



**Tăng trưởng kinh tế tiếp tục duy trì nhưng có xu hướng hạ nhiệt.** Các tổ chức lớn như OECD và Goldman Sachs dự báo tăng trưởng kinh tế Nhật Bản trong năm 2026 ở mức thấp khoảng 0.8–0.9% khi nhu cầu bên ngoài yếu, tiêu dùng nội địa tăng nhưng không mạnh và đầu tư còn thận trọng. Yếu tố hỗ trợ tăng trưởng đến từ thu nhập thực tăng nhẹ và các gói kích thích tài khóa, nhưng tổng thể vẫn nằm dưới mức tăng trưởng trước đại dịch. **Chính sách tiền tệ thận trọng hướng tới bình thường hóa.** Dữ liệu gần đây cho thấy Bank of Japan (BoJ) đã nâng lãi suất chính sách lên khoảng 0.75%, mức cao nhất trong nhiều thập kỷ nhằm kiểm soát lạm phát đã duy trì trên mục tiêu ~2%. Mặc dù vậy, BoJ vẫn rất thận trọng với các bước nới chặt thêm do rủi ro giảm tốc tăng trưởng. Đồng thời, BoJ đưa ra khả năng tiếp tục bình thường hóa dần nếu lạm phát lõi bền vững quanh mục tiêu dài hạn. **Áp lực tỷ giá và lạm phát đầu vào do yên yếu.** Đồng yên Nhật tiếp tục suy yếu mạnh và tiến gần ngưỡng ~160 JPY/USD, gây áp lực lên chi phí nhập khẩu và tiêu dùng trong nước. Chính phủ và Bộ Tài chính đã đưa ra cảnh báo can thiệp ngoại hối nhằm ổn định thị trường khi tỷ giá biến động quá nhanh. Yên yếu hỗ trợ xuất khẩu nhưng làm tăng phí đầu vào cho các doanh nghiệp nhập khẩu và sự nhạy cảm của người tiêu dùng với giá cả.

## Tăng trưởng kinh tế phục hồi nhẹ nhưng thiếu bất phá



# DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



| Chỉ số        | Đóng cửa | 1 Tuần | 1 Tháng | Từ đầu năm | 1 Năm  |
|---------------|----------|--------|---------|------------|--------|
| Gold          | 4,968.56 | 1.7%   | 11.5%   | 15.0%      | 73.8%  |
| WTI/USD       | 63.55    | -2.6%  | 13.5%   | 10.7%      | -10.5% |
| Bitcoin       | 70,180   | -8.9%  | -22.4%  | -19.8%     | -27.2% |
| Dow Jones     | 50,116   | 2.5%   | 2.3%    | 4.3%       | 13.1%  |
| S&P 500       | 6,932    | -0.1%  | 0.2%    | 1.3%       | 15.0%  |
| Nasdaq        | 25,076   | -1.9%  | -2.3%   | -0.7%      | 16.7%  |
| GP100         | 10,370   | 1.4%   | 3.2%    | 4.4%       | 19.2%  |
| DAX           | 24,721   | 0.7%   | -1.6%   | 0.9%       | 13.5%  |
| CAC 40        | 8,274    | 1.8%   | 0.5%    | 1.5%       | 3.8%   |
| Euro Stoxx 50 | 5,997    | 0.8%   | 1.2%    | 3.6%       | 12.6%  |
| Nikkei 225    | 54,254   | 1.8%   | 4.4%    | 7.8%       | 39.9%  |
| Shanghai      | 4,066    | -1.3%  | -0.5%   | 2.4%       | 23.1%  |
| Hang Seng     | 26,560   | -3.0%  | 0.4%    | 3.6%       | 25.7%  |
| Vnindex       | 1,755    | -4.0%  | -5.7%   | -1.6%      | 37.7%  |
| VND/USD       | 909      | 3.0%   | 7.5%    | 8.8%       | 8.5%   |
| DXY           | 25,950   | 0.0%   | -1.2%   | -1.3%      | 2.6%   |

- Tuần giao dịch 2–6/2/2026 chứng kiến tài chính toàn cầu biến động mạnh, phản ánh lo ngại về tăng trưởng, thanh khoản và khẩu vị rủi ro. Thị trường chứng khoán Mỹ diễn biến phân hóa: chỉ số DJ đã vượt mốc lịch sử 50.1k điểm, tương ứng tăng gần +2.7% với lực kéo từ các cổ phiếu công nghiệp và tài chính, trong khi S&P 500 hầu như đi ngang và Nasdaq giảm do áp lực từ nhóm công nghệ lớn chịu biến động mạnh do lo ngại chi phí AI và sức khỏe lợi nhuận. Như vậy bức tranh thị trường thể hiện sự xoay trục sang cổ phiếu giá trị và vòng quay ngành, đi kèm hồi phục mạnh vào phiên cuối tuần sau đợt bán tháo sớm.
- Bitcoin trải qua biến động cực đoan: từ vùng trên 70,000 USD đầu tuần, giá lao dốc xuống khoảng 60,000 USD trong bối cảnh bán tháo và tâm lý cực kỳ sợ hãi, với hàng tỷ USD bị thanh lý vị thế. Vào cuối tuần, BTC hồi phục trở lại trên ~69–70 k USD, phản ánh sự hồi phục nhẹ sau khi đợt bán tháo quy mô lớn hạ nhiệt. Biến động này khiến Bitcoin giảm khoảng ~9–10% so với đầu tuần, đồng thời thị trường vẫn ở trạng thái rủi ro cao và thanh khoản dao động. Với vàng, kim loại quý trải qua biên độ dao động lịch sử lớn: mở đầu tuần ở mức thấp gần ~4,400 USD/oz, rồi bật lại về cuối tuần quanh ~4,950 USD/oz, kết thúc với tăng nhẹ so với tuần trước nhờ nhu cầu trú ẩn và dòng tiền vào tài sản bảo hiểm. Sự hồi phục này cho thấy vai trò an toàn của vàng được củng cố trong môi trường bất ổn.

# ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



# THANH KHOẢN VND ĐƯỢC DUY TRÌ DỒI DÀO — DXY SUY GIẢM, USD/VND HẠ NHIỆT; NHNN CAN THIỆP CÓ CHỌN LỘC



Tỷ giá và thị trường ngoại hối Việt Nam tiếp tục thể hiện một trạng thái đánh đổi giữa ổn định tỉ giá và nhu cầu bảo đảm thanh khoản. Thanh khoản trong nước đang được hỗ trợ bằng nghiệp vụ thị trường mở (OMO) khi NHNN duy trì bơm ròng đầu năm 2026, nhưng USD/VND vẫn neo ở mức cao tương đối do áp lực từ đồng USD mạnh toàn cầu (DXY) và kỳ vọng chính sách tiền tệ ở Mỹ. Kết luận ngắn & khuyến nghị Kịch bản cơ sở (Q1/2026): USD/VND tiếp tục dao động hẹp quanh mức hiện tại, NHNN duy trì bơm ròng OMO để ổn định thanh khoản; can thiệp FX nếu có cú sốc lớn từ DXY. Rủi ro trái chiều: Nếu DXY tăng mạnh hơn do bất ngờ dữ liệu kinh tế Mỹ hoặc thay đổi kỳ vọng chính sách Fed, USD/VND có thể chịu áp lực tăng trở lại. Ưu tiên theo dõi (thời gian tới): Diễn biến DXY & dữ liệu việc làm/lạm phát Mỹ (ảnh hưởng kỳ vọng Fed). Quy mô và kỳ hạn các phiên bơm ròng OMO của NHNN (ảnh hưởng thanh khoản ngắn hạn). Cầu ngoại tệ thương mại/hedging của doanh nghiệp và luồng FDI/ngân hàng (áp lực cung-cầu ngoại hối).

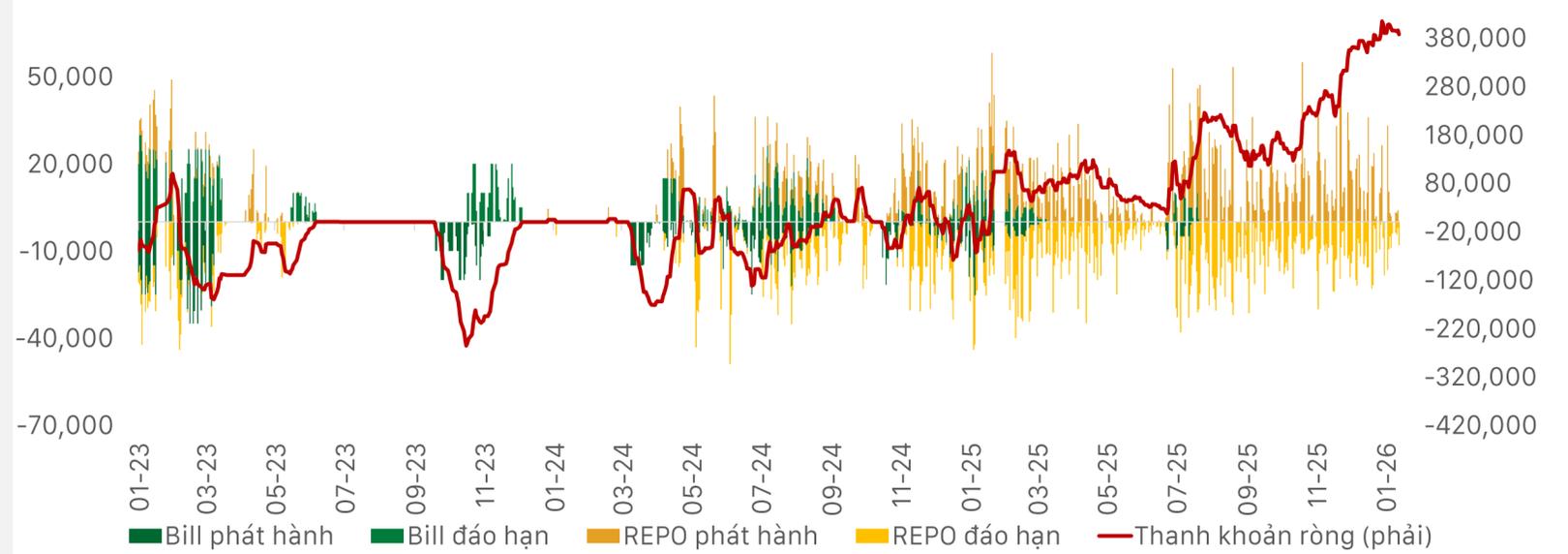
**DXY duy trì ở vùng thấp — kỳ vọng Fed chưa chuyển sang hạ lãi suất rõ ràng.** DXY có xu hướng phục hồi/ổn định trở lại đầu 2026, khiến USD toàn cầu giữ sức mạnh hơn so với kỳ vọng hạ lãi suất nhanh của thị trường. Thị trường hiện nhìn nhận Fed ở thế giữ quan điểm thận trọng/halted (nhiều tổ chức lùn kỳ vọng cắt giảm lãi suất sang nửa sau 2026), vì dữ liệu việc làm và lạm phát chưa tạo đủ bằng chứng để thúc đẩy cắt sớm. Điều này là động lực chính khiến DXY vẫn duy trì ở mức tương đối cao trong đầu năm. **NHNN duy trì “nới lỏng có kiểm soát” — tiếp tục bơm ròng OMO, ưu tiên ổn định thanh khoản.** NHNN tiếp tục vận hành OMO chủ động trong phiên đầu năm 2026 với bơm ròng hàng chục nghìn tỷ đồng (ví dụ ghi nhận bơm ~33,151 tỷ đồng thông qua nghiệp vụ cho vay cầm cố giấy tờ có giá; phiên đầu năm có ghi nhận bơm ròng gần 17 nghìn tỷ đồng). Mục tiêu rõ ràng là giữ ổn định lãi suất liên ngân hàng và đảm bảo thanh khoản hệ thống, đồng thời để ngỏ công cụ can thiệp FX nếu cần. Diễn biến này cho thấy NHNN ưu tiên ổn định trong nước và duy trì công cụ linh hoạt để ứng phó với áp lực bên ngoài. **USD/VND: neo cao nhưng có dấu hiệu “hạ nhiệt” biến động ngắn hạn.** Thực tế thị trường từ đầu 01/2026 đến nay cho thấy USD/VND giao dịch quanh ~26,250–26,320 với các dao động intraday nhỏ; so với 01/01/2026 mức trung bình chưa tăng đột biến mà có xu hướng dao động hẹp hơn nhờ thanh khoản trong nước được hỗ trợ. Tuy nhiên, vì DXY vẫn tương đối mạnh, rủi ro bật lên của USD/VND vẫn hiện hữu nếu khối cầu ngoại tệ thương mại/hedging gia tăng.

## DXY đang biến động duy trì ở vùng thấp

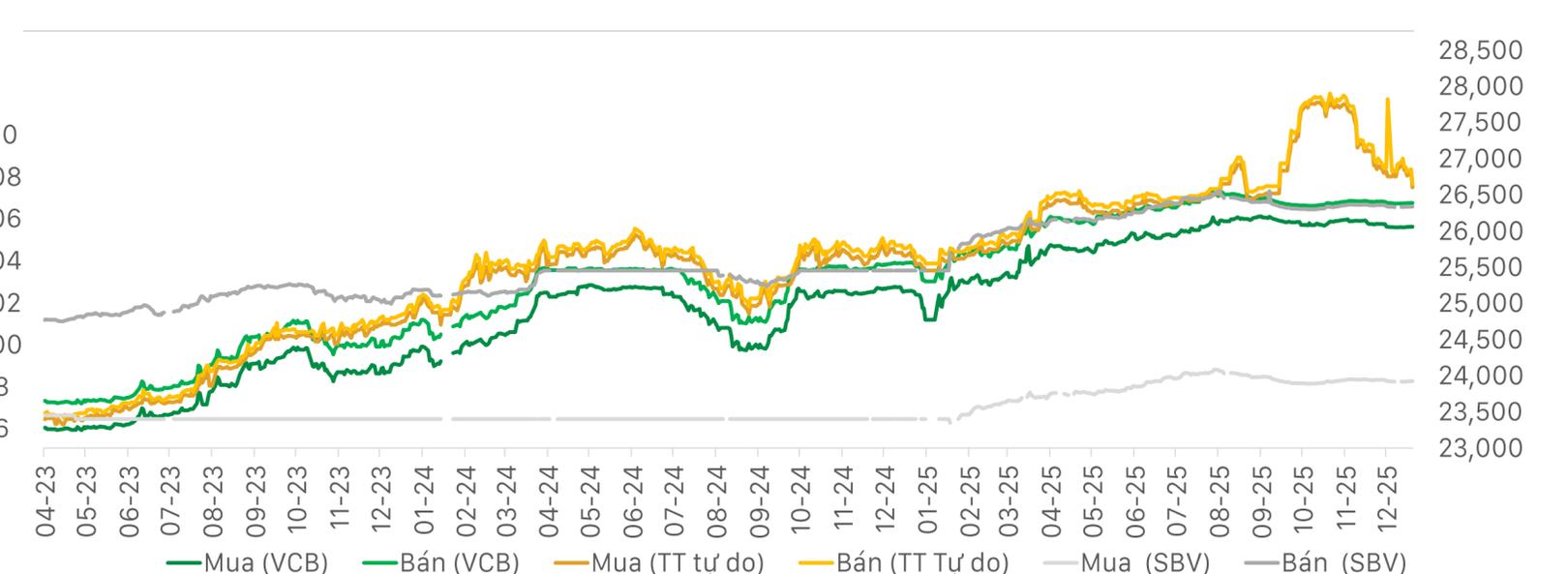


## NHNN duy trì vận hành “nới lỏng có kiểm soát” — tiếp tục bơm ròng OMO

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



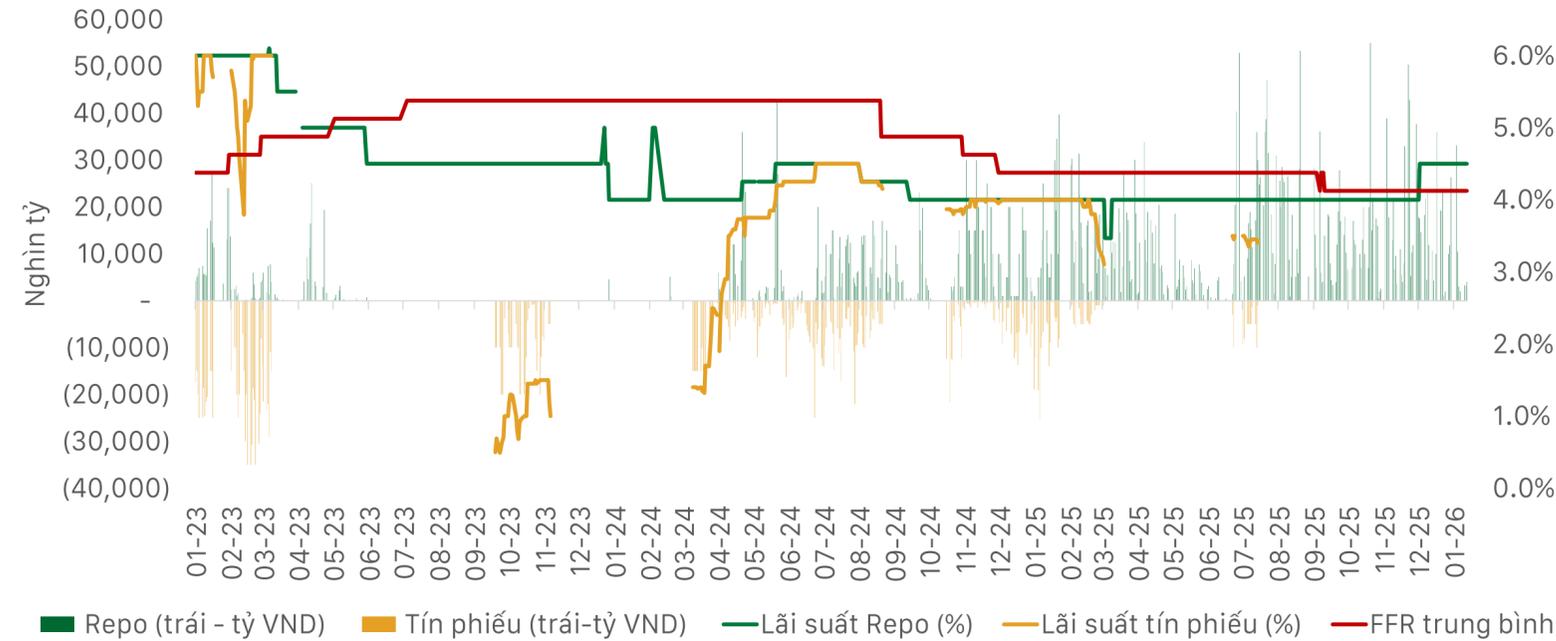
## USD/VND có dấu hiệu hạ nhiệt. Đơn vị: VND/USD



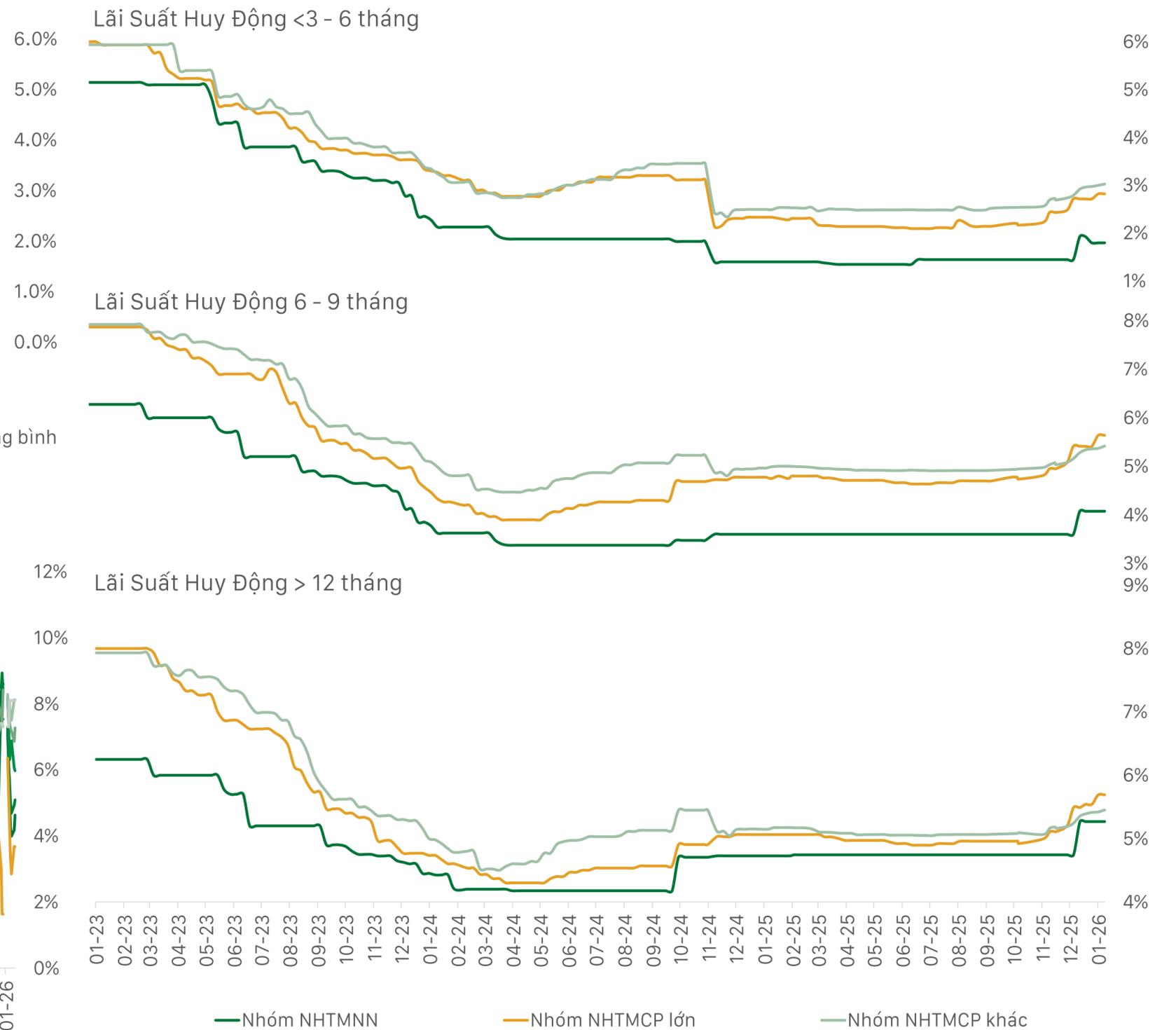
# LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG BIẾN ĐỘNG MẠNH – NHNN TÍCH CỰC KIỂM SOÁT QUA THỊ TRƯỜNG MỞ



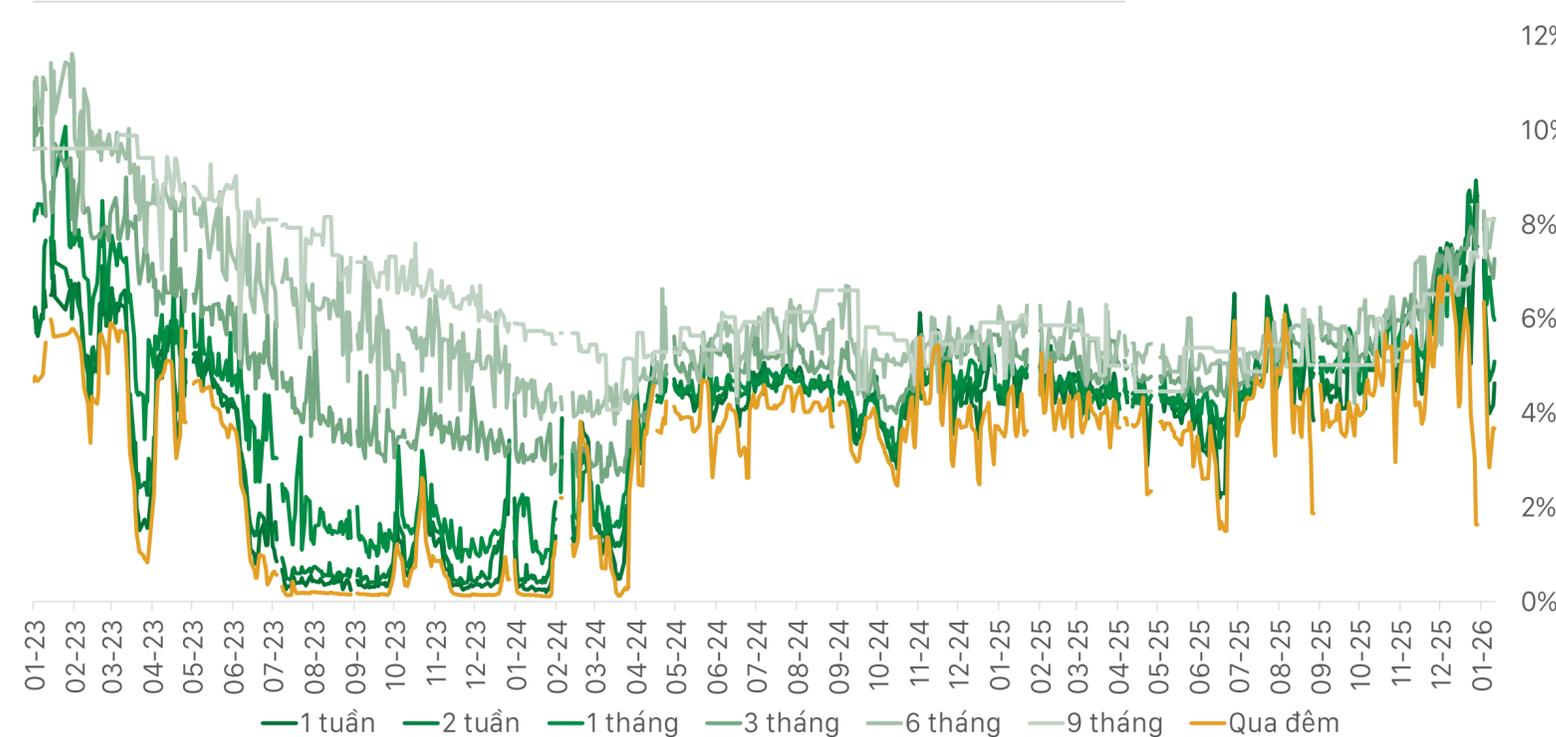
## NHNN bơm mạnh Repo trở lại



## Mặt bằng lãi suất huy động có tăng nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức thấp.



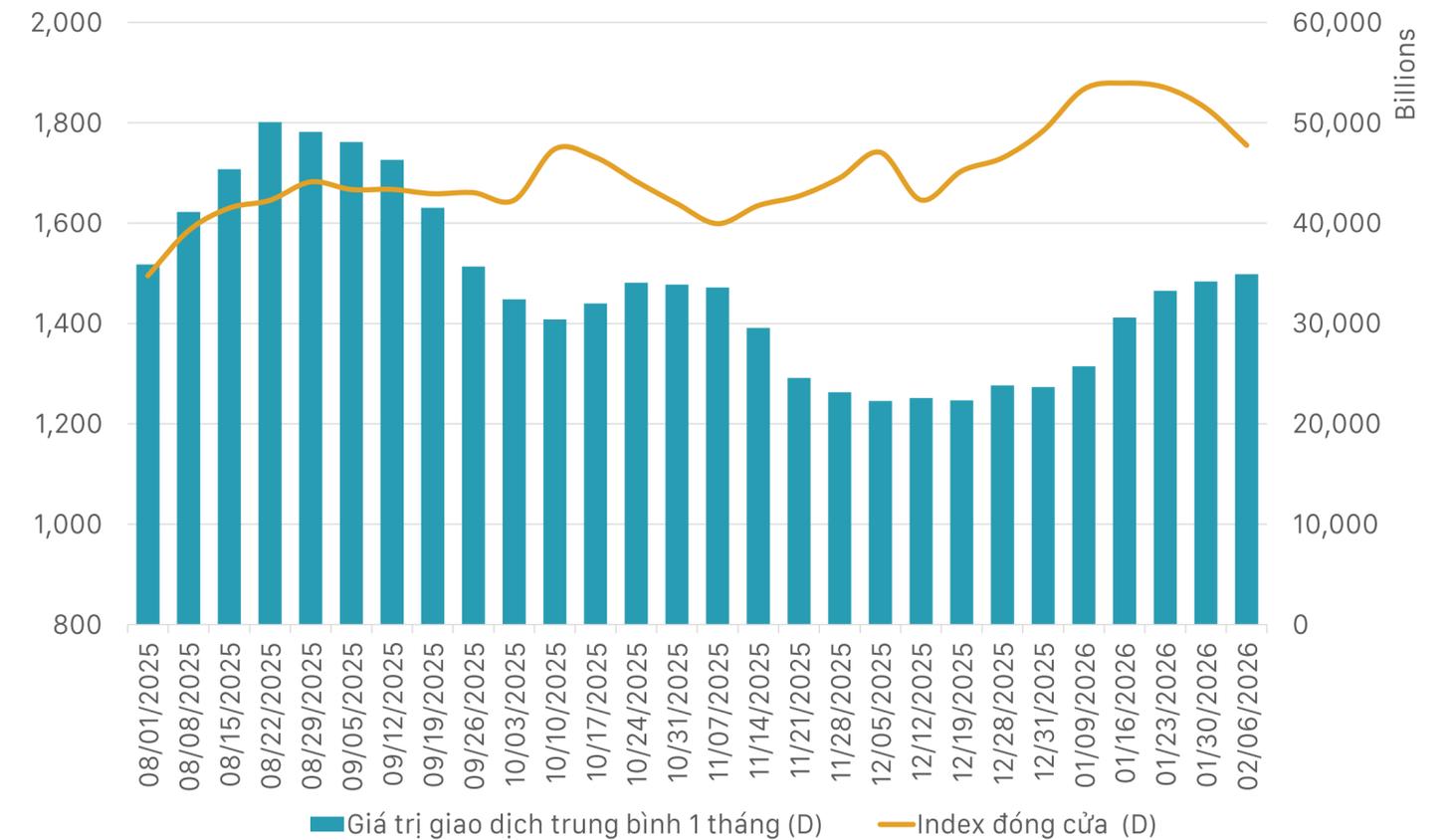
## Lãi suất liên ngân hàng biến động nhưng được kiểm soát tốt



## Đồ thị ngày VN-Index



## Thanh khoản đạt đỉnh cao nhất

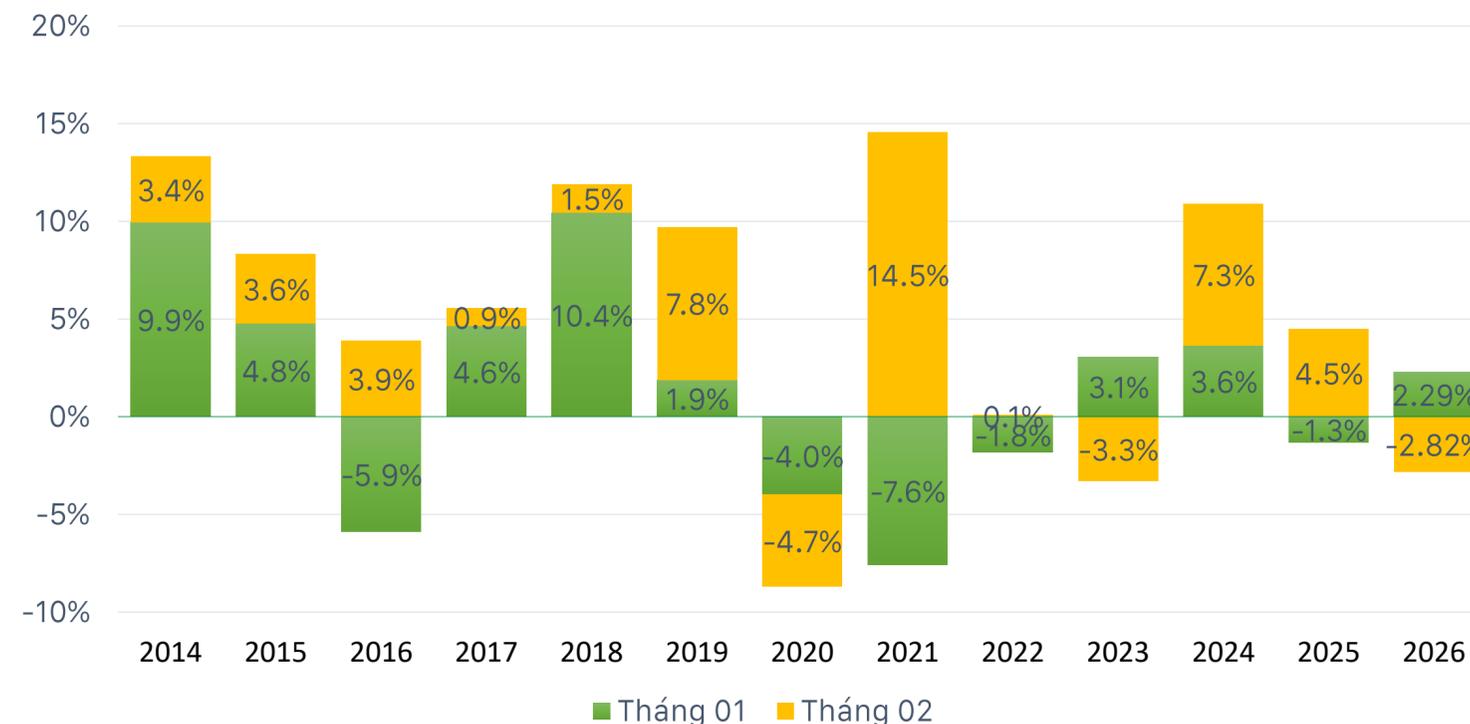


- Trong tuần giao dịch 2–6/2/2026, thị trường Việt Nam chìm trong sắc đỏ với áp lực bán lan rộng và tâm lý thận trọng gia tăng trước kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. VN-Index đóng cửa tuần ở khoảng 1.755 điểm, giảm ~4,0 % so với cuối tuần trước, nối dài chuỗi điều chỉnh sang tuần thứ ba liên tiếp và thủng mốc hỗ trợ 1.800 điểm khi dòng tiền yếu ớt và áp lực chốt lời đẩy chỉ số lao dốc mạnh trong 4/5 phiên giao dịch. Thanh khoản biến động và tâm lý lo ngại càng đẩy mạnh diễn biến tiêu cực trên diện rộng cả thị trường cơ sở và nhóm vốn hóa lớn.
- Về cổ phiếu đáng chú ý, nhóm Blue-chip dẫn đầu bởi cổ phiếu thuộc tập đoàn Vingroup (VIC, VHM, VPL) là lực kéo chính khiến VN-Index giảm sâu, trong khi một số cổ phiếu bluechip như GAS, BSR, MBB ghi nhận lực mua gom kỹ thuật nhẹ ở những vùng hỗ trợ tạm thời. Ngoài ra, cổ phiếu BVH của Tập đoàn Bảo Việt là một trong số ít đại diện VN30 lọt vào top tăng điểm tuần qua, phản ánh hoạt động phân hoá mạnh giữa các nhóm ngành.

PE thị trường hiện quanh 14 thấp hơn giai đoạn 2022



Diễn biến Vnindex qua các tháng 01,02 từ 2014



- P/E thị trường đã điều chỉnh từ vùng 16 về khoảng 14.5 sau khi kết hợp 2 yếu tố bao gồm kết quả kinh doanh cả năm của các doanh nghiệp công bố tăng trưởng hơn 27% so với cùng kỳ cộng với chỉ số Vnindex giảm hơn 7% trong 2 tuần vừa qua đã điều chỉnh lại PE thị trường xuống dưới mức trung bình 10 năm. Trong nhóm big hiện tại còn một số cổ phiếu đặc biệt có PE cao trên 50 như VIC, VPL hay VJC khoảng 44. Còn lại PE trung bình của nhóm vốn hóa lớn gần xấp xỉ quanh 15 – tương đồng PE chung cả thị trường. Đặc biệt nhóm ngân hàng có PE chỉ khoảng 7-8.
- Thị trường thường duy trì xu hướng tích cực trong các tháng đầu năm nhờ dòng tiền được kích hoạt từ cuối năm trước và kéo dài đến trước kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Thống kê cho thấy, những năm thị trường tích lũy trong tháng 12 thường ghi nhận mức tăng tốc rõ rệt hơn trong tháng 1-2; Năm nay thị trường có sự tăng trưởng khá trong tháng 1 nhờ hiệu ứng của nhóm cổ phiếu cổ phần nhà nước nhưng phần nào chững lại trong tháng 2 do làn sóng chốt lời từ nhóm này và cả áp lực suy giảm từ nhóm Vingroup. Trong một kịch bản bi quan nhất có thể Vnindex sẽ điều chỉnh trong mức 3%-3.2% trong tháng 2 sau đó hồi phục dần.

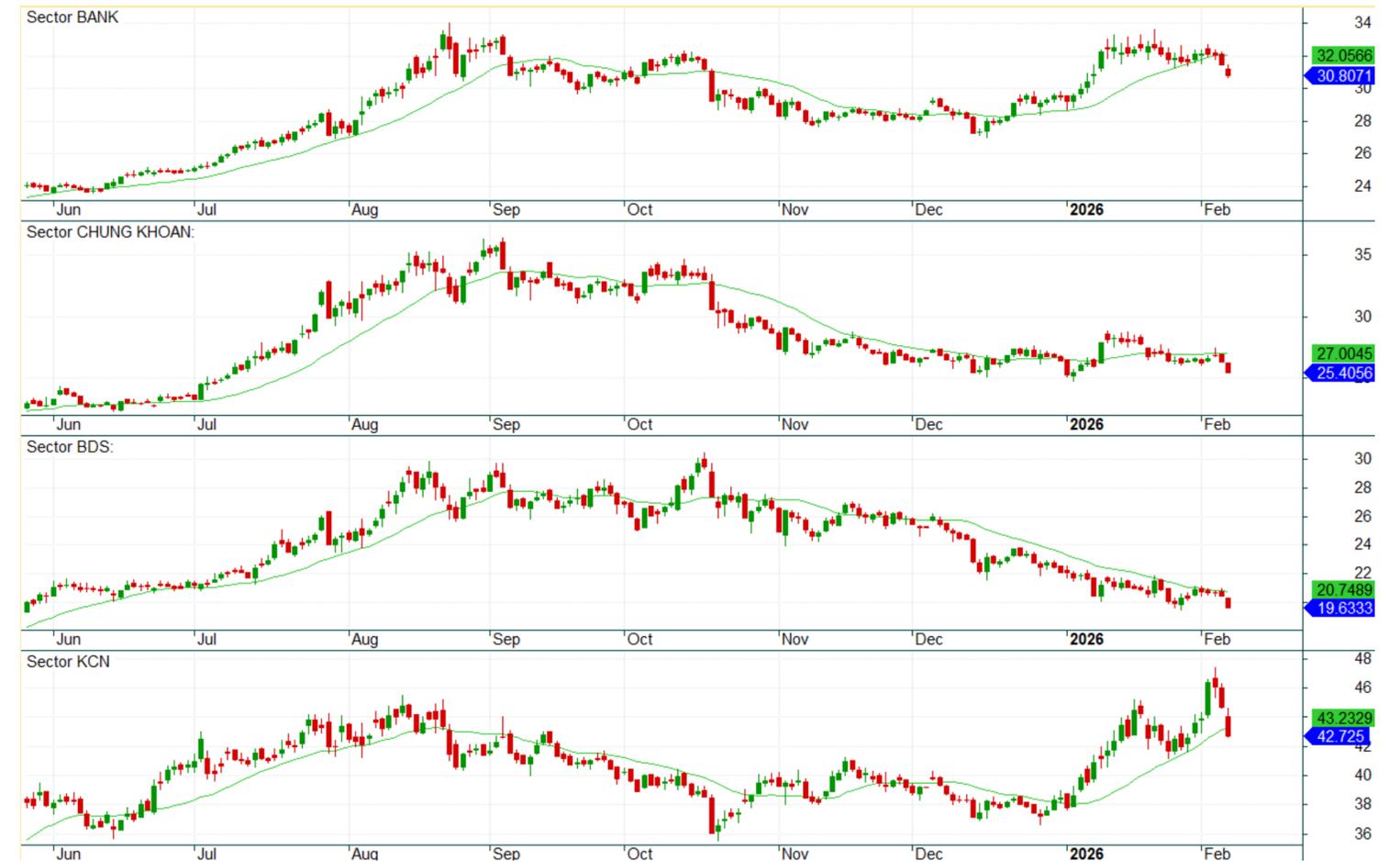
- Theo đà suy giảm chung thị trường **nhóm FPT** cũng bị giảm mạnh về vùng hỗ trợ mạnh trong đó FPT, FRT giảm hơn 7%. **Nhóm Gelex** bị giảm xuyên qua vùng hỗ trợ ở đáy thấp, Cổ phiếu mới niêm yết Gel không bị ảnh hưởng.
- **Nhóm Vingroup** đã giảm đang chậm lại và VIC, VHM đang giữ giá tích lũy ở 2 phiên cuối tuần. **Nhóm Viettel** tiếp tục bị áp lực chốt lời gia tăng ở nhóm cổ phiếu lớn VTP, CTR

Giá trung bình nhóm FPT, Gelex, Viettel, Vingroup



- **Nhóm Ngân hàng** bị chốt lời mạnh ở nhóm bank nhà nước CTG, BID, VCB. Nhóm TCB, LPB, MBB giữ giá tốt nhất.
- **Nhóm BĐS** hồi phục vài phiên nhưng chưa bền vững. DIG, DXG, PDR, NLG giảm xuống các đáy sâu hơn. **Nhóm KCN** đang điều chỉnh sau đợt tăng giá. Một số cổ phiếu đang ở vùng giá cao như GVR, SZC
- **Nhóm chứng khoán** dù mức giảm có chậm hơn nhưng vẫn giảm sâu trong tuần qua.

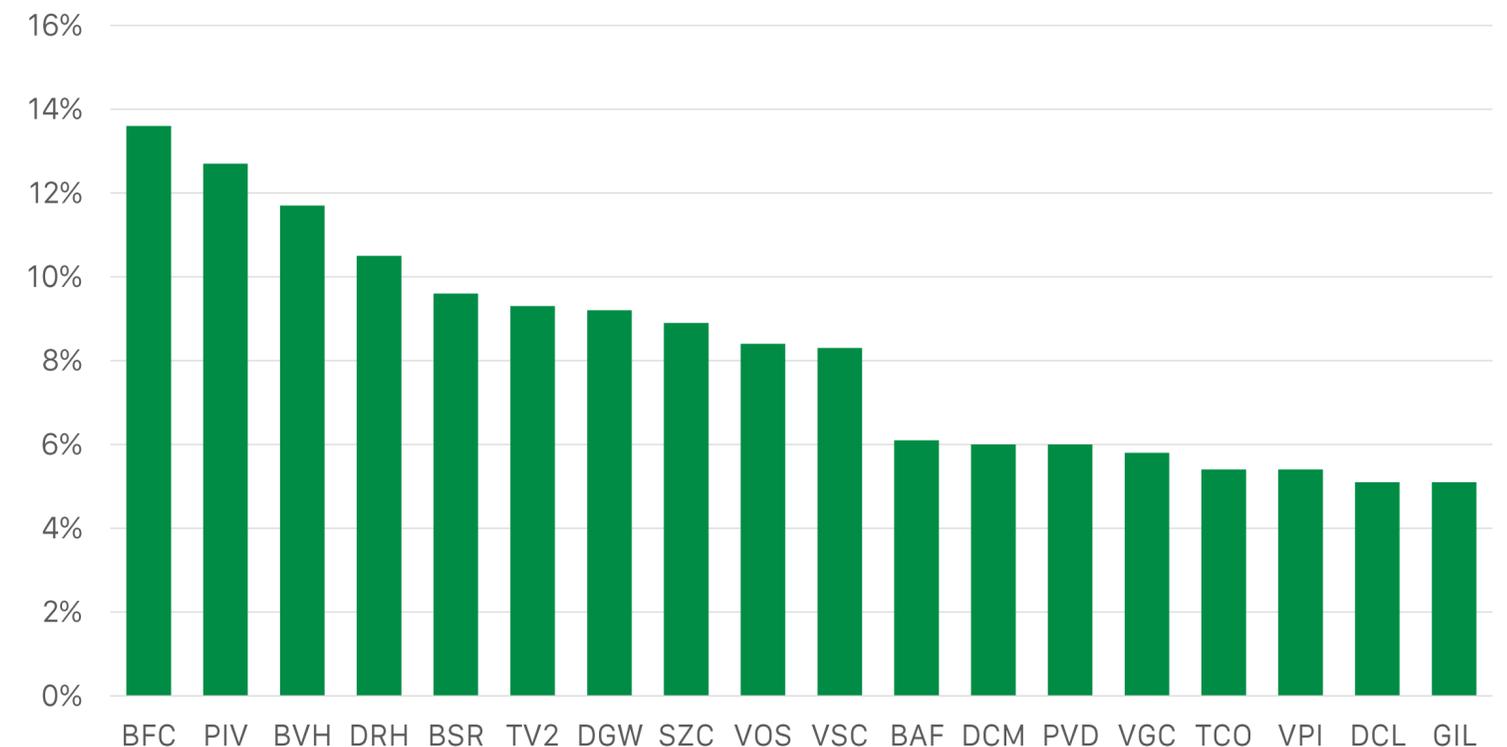
Giá trung bình nhóm Bank, BĐS, Chứng khoán, Khu công nghiệp



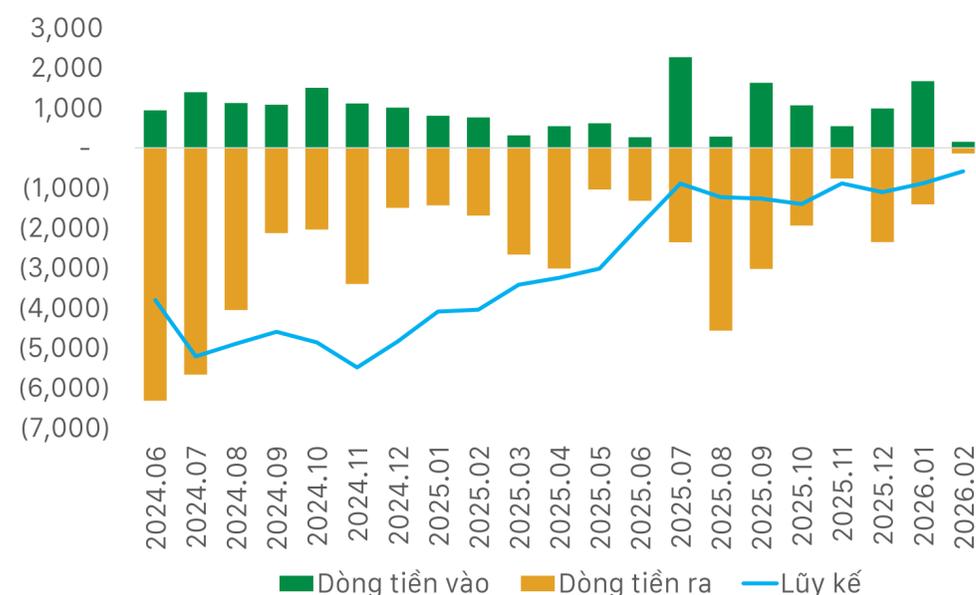
| Chỉ số / Ngành                | Index    | P/E   | % 1 tuần | % tuần trước | % 1 tháng |
|-------------------------------|----------|-------|----------|--------------|-----------|
| VNINDEX                       | 1,755.49 | 14.23 | -4.0%    | -2.2%        | -3.3%     |
| Ngân hàng                     | 791.86   | 9.92  | -4.0%    | 0.3%         | 5.3%      |
| Dịch vụ tài chính             | 938.98   | 14.59 | -4.6%    | -0.3%        | 5.2%      |
| Bất động sản                  | 971.11   | 17.83 | -4.9%    | -10.5%       | -19.4%    |
| Hóa chất                      | 323.48   | 17.60 | -1.3%    | 4.0%         | 25.2%     |
| Tài nguyên Cơ bản             | 501.23   | 16.43 | -5.4%    | 9.3%         | 10.6%     |
| Ô tô và phụ tùng              | 353.73   | 6.63  | -0.6%    | 0.5%         | 0.9%      |
| Bán lẻ                        | 1,707.18 | 18.37 | -3.5%    | 7.7%         | 2.9%      |
| Hàng cá nhân & Gia dụng       | 177.43   | 10.62 | -5.2%    | 6.1%         | 9.2%      |
| Viễn thông                    | 1,488.46 | 32.52 | -6.5%    | 2.7%         | 61.3%     |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 8,198.55 | 15.96 | -0.8%    | 7.3%         | 20.1%     |
| Dầu khí                       | 142.59   | 21.22 | 3.5%     | 9.5%         | 40.9%     |
| Thực phẩm và đồ uống          | 1,054.10 | 18.18 | -4.2%    | 2.5%         | -1.1%     |
| Xây dựng và Vật liệu          | 361.12   | 9.58  | 0.8%     | -0.9%        | 4.7%      |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | 335.04   | 14.82 | -3.1%    | -5.6%        | -1.2%     |
| Y tế                          | 1,091.65 | 17.32 | -0.9%    | 1.4%         | 4.1%      |
| Công nghệ Thông tin           | 817.85   | 17.47 | -6.1%    | 2.9%         | 3.3%      |
| Truyền thông                  | 647.61   | 42.52 | -2.8%    | 0.5%         | -1.1%     |
| Bảo hiểm                      | 464.37   | 15.92 | 6.5%     | -2.0%        | 13.3%     |
| Du lịch và Giải trí           | 44.40    | 26.35 | -6.0%    | -4.5%        | -13.3%    |

- Trong tuần qua chỉ số Vnindex tiếp tục giảm sâu hơn và mất thêm -4% sau khi đã giảm -2.2% ở tuần trước đó. Nhóm cổ phiếu ngân hàng bắt đầu bị áp lực bán mạnh ở nhóm cổ phần nhà nước và giảm -4%. Nhóm chứng khoán cũng giảm sâu -4.6%
- Một số ngành như dầu khí, xây dựng vật liệu và bảo hiểm giữ giá tương đối tốt nhất so với các ngành còn lại. Tuy nhiên áp lực bán cũng đã xuất hiện ở nhóm dầu khí.
- Các cổ phiếu tăng nổi bật nhất trong tuần nổi bật nhất đến nhóm dầu khí như BSR, PVD hay nhóm bảo hiểm BVH đại diện. Cổ phiếu hóa chất BFC, DCM

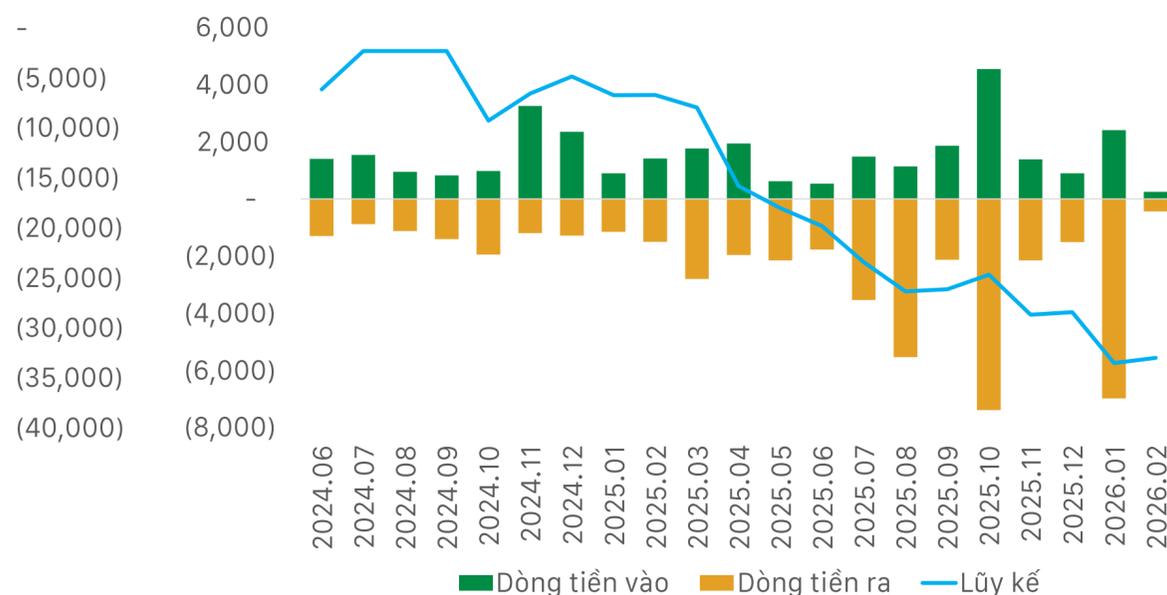
Cổ phiếu tăng tốt nhất trong tuần



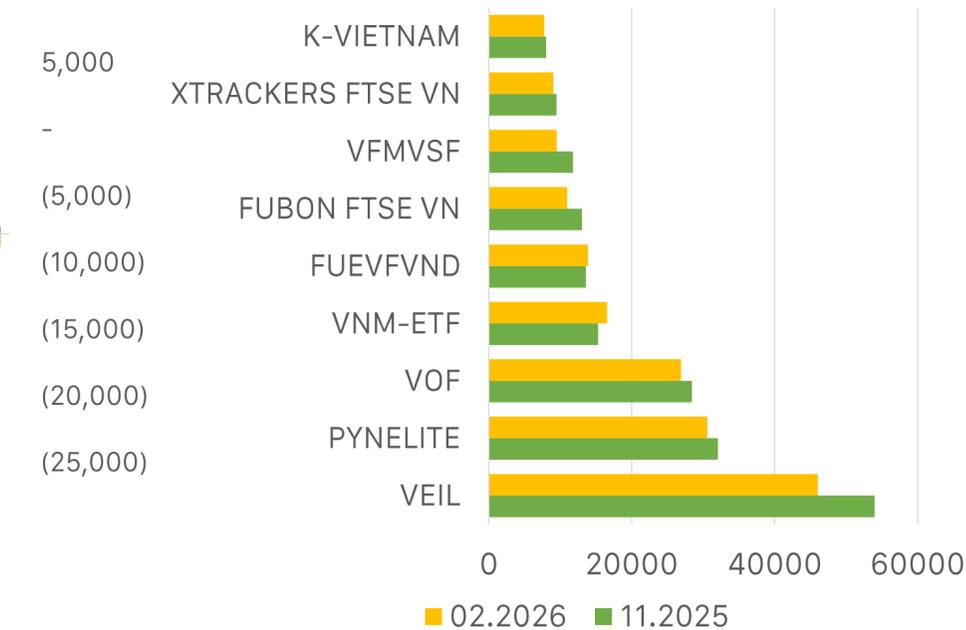
Dòng tiền của quỹ ETF vào VN (tỷ VND)



Dòng tiền các quỹ khác (tỷ VND)



Top 10 tài sản ròng (tỷ VND)

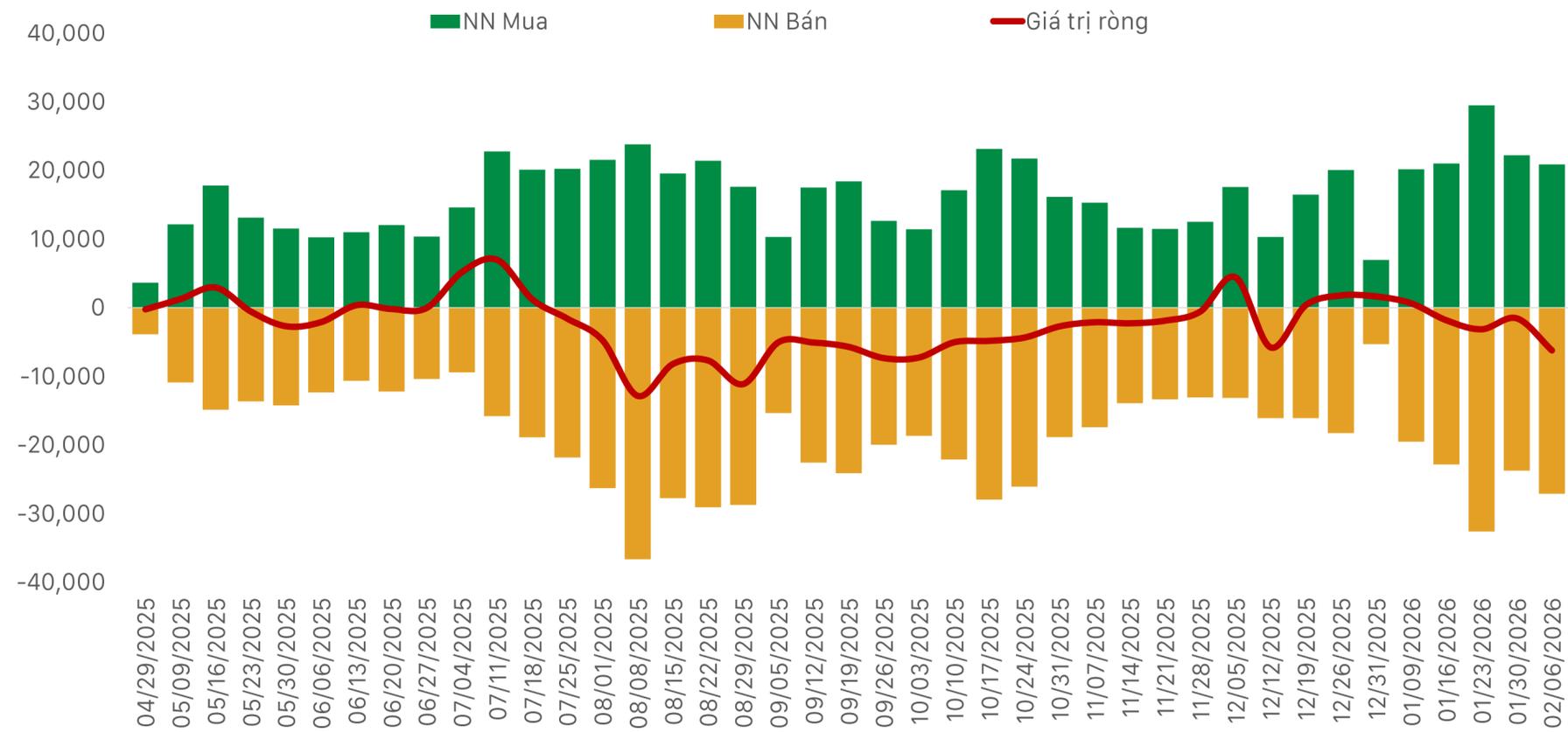


- Dòng vốn toàn cầu trong tuần cuối tháng 1/2026 cho thấy sự phân hóa rõ rệt giữa thị trường phát triển, mới nổi và cận biên, phản ánh thay đổi trong khẩu vị rủi ro và chiến lược phân bổ tài sản của nhà đầu tư. Tại thị trường mới nổi (Emerging Markets), bức tranh mang tính "hai mặt". Dòng vốn rút kỷ lục khỏi các quỹ cổ phiếu Trung Quốc đại lục tiếp tục chi phối số liệu tổng, do chính sách kiểm soát đà tăng thị trường và siết margin khi chỉ số tiến sát vùng đỉnh 2015.
- Ở thị trường phát triển (Developed Markets), dòng vốn duy trì trạng thái phân bổ chiến lược. Các quỹ cổ phiếu Mỹ phục hồi dòng tiền, quỹ toàn cầu (Global Equity Funds) hút vốn rất mạnh, phản ánh xu hướng đa dạng hóa danh mục toàn cầu thay vì đặt cược đơn lẻ. Ngược lại, châu Âu chịu áp lực rút vốn do rủi ro thương mại, yếu tố chính trị và bất lợi cạnh tranh xuất khẩu. Nhật Bản và Australia duy trì sức hút nhờ câu chuyện cải cách và ổn định vĩ mô, trong khi cấu trúc dòng tiền tại DM cho thấy ưu tiên cổ tức, quy mô lớn và phân bổ toàn cầu.
- Tại thị trường cận biên (Frontier Markets), dòng tiền tiếp tục mang tính chu kỳ hàng hóa và phòng thủ, tập trung vào các quốc gia hưởng lợi từ giá nguyên liệu và đầu tư hạ tầng, nhưng quy mô vẫn khiêm tốn và mang tính chiến lược dài hạn hơn là đầu cơ ngắn hạn.
- Tổng thể, dòng vốn toàn cầu đang dịch chuyển theo hướng phòng thủ có chọn lọc: giảm tập trung rủi ro tại một số thị trường lớn, tăng phân bổ vào EM chọn lọc, tài sản gắn với hàng hóa và các cấu trúc phân bổ toàn cầu ổn định — một trạng thái thận trọng chủ động, hơn là né rủi ro tuyệt đối.

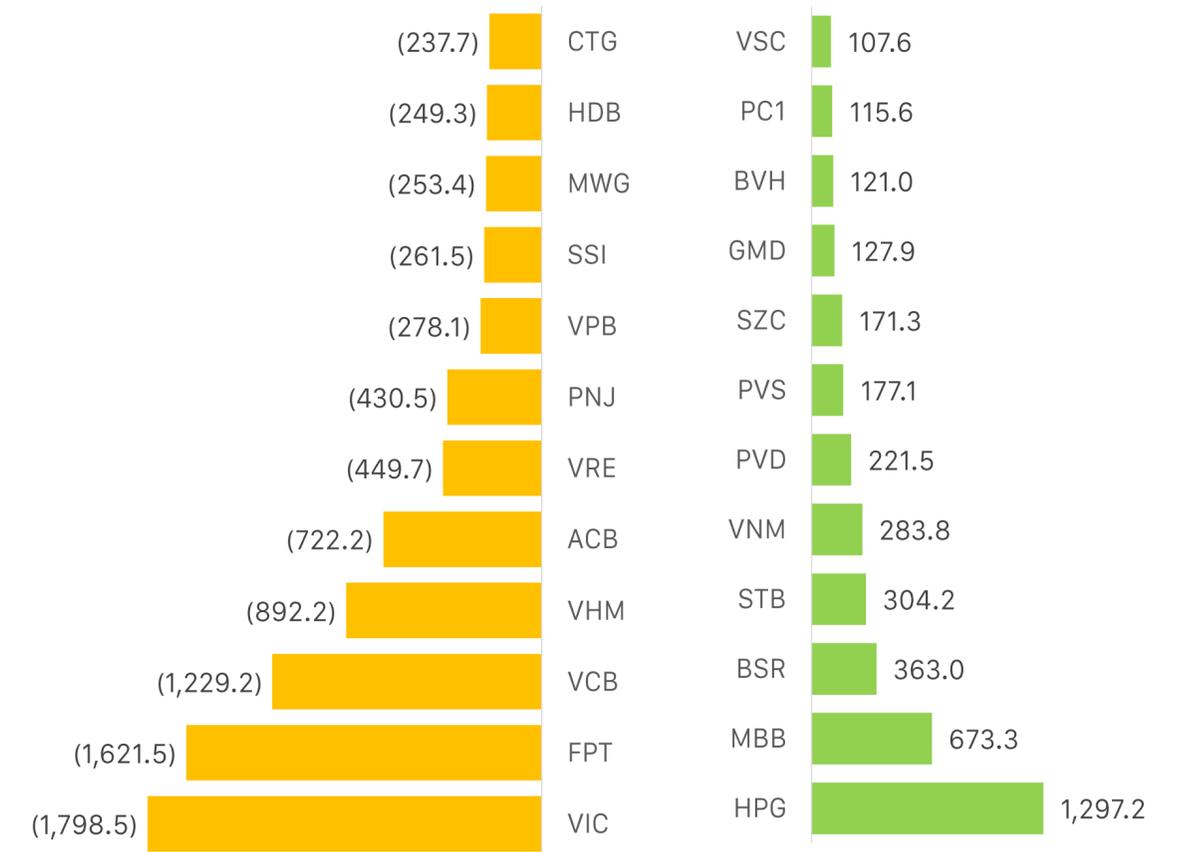
# KHỐI NGOẠI GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN



Giá trị mua bán khối ngoại theo tuần (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

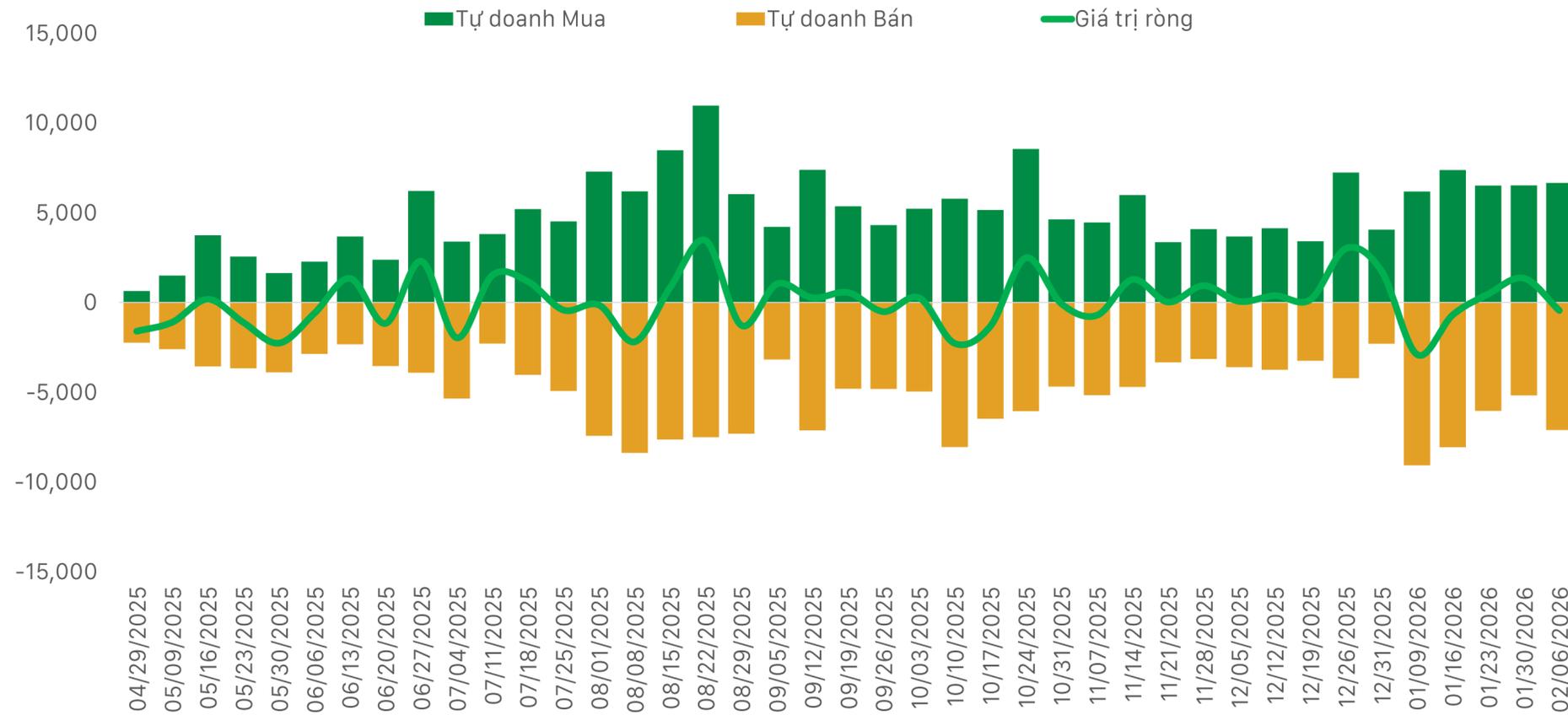


- Trong tuần qua khối ngoại mua vào khoảng 20.8 ngàn tỷ và bán ra hơn 27 ngàn tỷ đồng. Như vậy khối ngoại giảm mua vào trong khi tăng cường bán ra nhiều hơn trong tuần qua với giá trị bán ròng khoảng -6230 tỷ đồng – Đây là tuần bán ròng lớn nhất kể từ tháng 10 và khối ngoại đã có 4 tuần bán ròng liên tiếp vượt 12 ngàn tỷ đồng.
- Đứng đầu nhóm cổ phiếu bán ròng trong tuần là VIC với khoảng 1800 tỷ đồng, VHM cũng nằm trong top bán ròng gần 900 tỷ đồng. FPT cũng bán ròng khá lớn sau thời gian mua ròng. Một số cổ phiếu ngân hàng bán ròng nhiều trong tuần có ACB, VPB, HDB, CTG.
- Phía mua ròng nổi bật có HPG mua ròng khoảng 1300 tỷ. Một số cổ phiếu mua ròng đáng chú ý có MBB (673 tỷ), BSR (363 tỷ), STB (304 tỷ), VNM (283 tỷ).

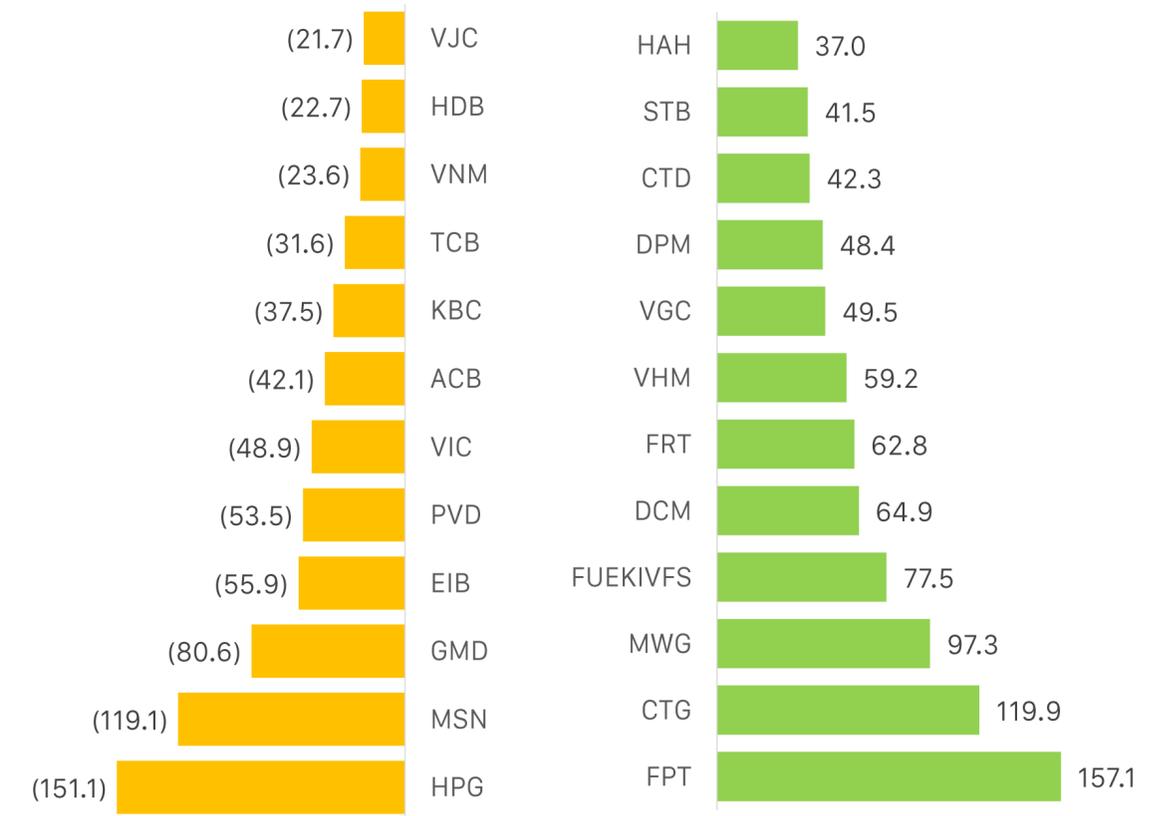
# TỰ DOANH MUA BÁN BIẾN ĐỘNG MẠNH



Giá trị mua bán Tự Doanh theo tuần (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



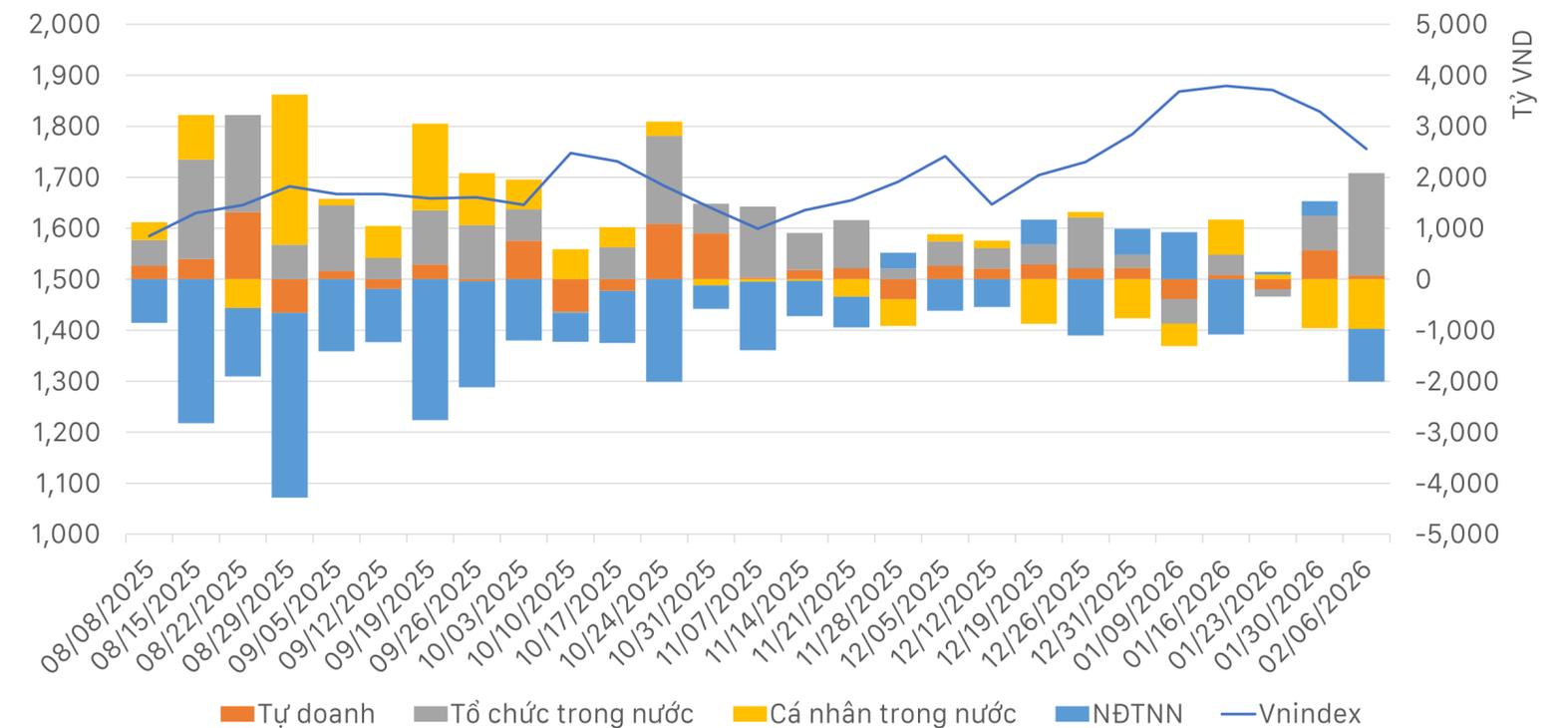
- Tự doanh mua vào khoảng 6660 tỷ - gần tương đương với tuần trước đó và bán ra 7109 tỷ đồng. Tính chung tự doanh cũng bán ròng khoảng gần 500 tỷ đồng trong tuần vừa qua tạo nên áp lực lớn trên thị trường cùng với khối ngoại.
- HPG bán ròng nhiều nhất khoảng 151 tỷ đồng cùng với một số blue chip như MSN, GMD, EIB, PVD.
- Phía mua ròng có FPT mua ròng khoảng 157 tỷ đồng – trái ngược với khối ngoại bán ròng 1600 tỷ mã này. Một số cổ phiếu mua ròng đáng chú ý có CTG, MWG, DCM, FRT.
- Tự doanh trong tuần vừa qua không mua ròng nhiều nhóm ngân hàng và chỉ mua ròng CTG và STB.

## Tỷ trọng phân bố dòng tiền

| Phân ngành                    | Tỷ trọng dòng tiền | Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh | Sức mạnh dòng tiền |
|-------------------------------|--------------------|--------------------------------|--------------------|
| Ngân hàng                     | 28.0%              | STB, MBB, SHB, VPB, TCB        |                    |
| Dịch vụ tài chính             | 13.0%              | SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND   |                    |
| Bất động sản                  | 10.8%              | DIG, PDR, NLG, NVL             |                    |
| Hóa chất                      | 2.9%               | DPM, DCM, GVR                  |                    |
| Tài nguyên Cơ bản             | 4.5%               | HPG, HSG, NKG                  |                    |
| Ô tô và phụ tùng              | 6.4%               | HHS, HUT                       |                    |
| Bán lẻ                        | 4.1%               | MWG, DGW, PET                  |                    |
| Hàng cá nhân & Gia dụng       | 6.3%               | TCM, TNG, PNJ                  |                    |
| Viễn thông                    | 3.4%               | VGI, FOX, VGI                  |                    |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 5.3%               | POW, GEG, REE                  |                    |
| Dầu khí                       | 2.7%               | PVD, PVS                       |                    |
| Thực phẩm và đồ uống          | 7.4%               | DBC, MSN, HAG, BAF             |                    |
| Xây dựng và Vật liệu          | 0.4%               | CII, HHV, VCG                  |                    |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | 2.1%               | GEX, VSC, HAH, VTP, GMD        |                    |
| Y tế                          | 0.8%               | DCL, DBD                       |                    |
| Công nghệ Thông tin           | 1.1%               | FPT, CMG, CTR                  |                    |
| Truyền thông                  | 0.1%               | YEG                            |                    |
| Bảo hiểm                      | 0.5%               | BVH                            |                    |
| Du lịch và Giải trí           | 0.2%               | HVN                            |                    |

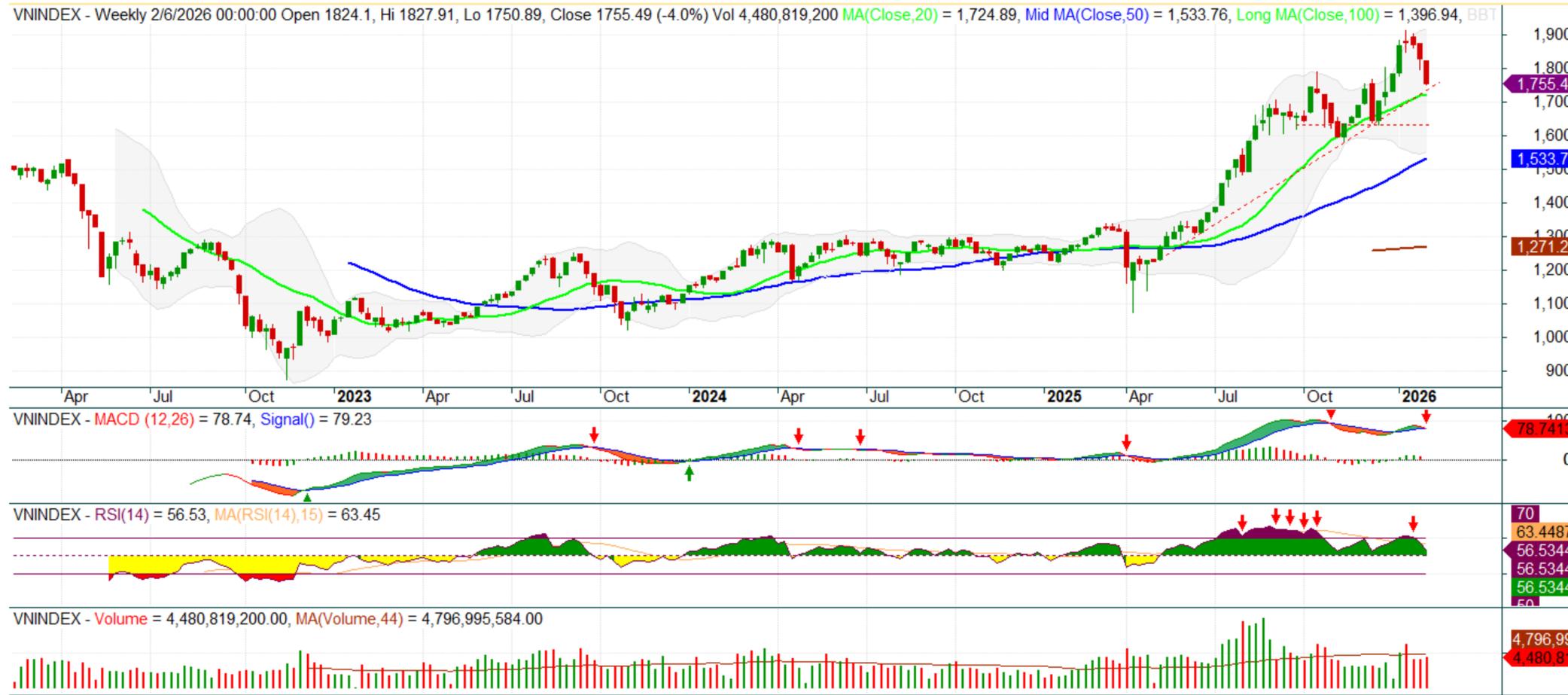
- Dòng tiền giao dịch nhóm ngân hàng có sự cách biệt hẳn chiếm 28% so với nhóm ngành thứ hai là chứng khoán. Trong tuần qua nhà đầu tư giao dịch khá mạnh tập trung ở nhóm MBB, CTG, BID, VCB do hoạt động bán ra tăng cường
- Thanh khoản chung thị trường vẫn giữ ở mức cao trong bối cảnh thị trường suy giảm cho thấy dòng tiền đang mạnh tay bán ra ở các vùng giá thấp hơn dẫn đến nhiều cổ phiếu bị mất giá mạnh.

## Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư

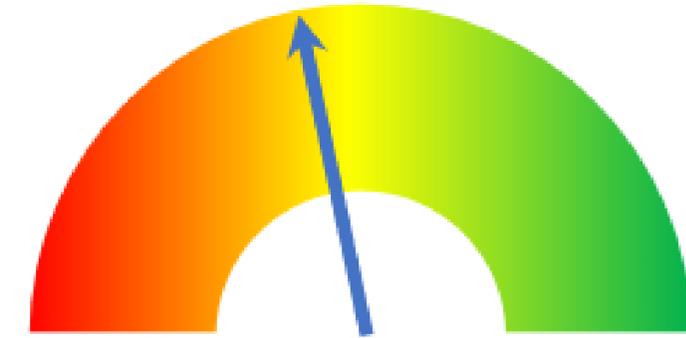


# CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT





Mức độ hưng phấn thị trường



|       |      |
|-------|------|
| RSI   | 36   |
| MACD  | -3.3 |
| MFI   | 26.6 |
| MA20  | 1840 |
| MA50  | 1752 |
| MA200 | 1558 |

- Thị trường đã có 3 tuần điều chỉnh liên tiếp với các ngọn nến dài và sâu hơn so với tuần trước đó. Thông thường sau chu kỳ giảm khoảng 3 đến 4 tuần thị trường sẽ có nhịp hồi ngắn. Nền hỗ trợ mạnh của Vnindex hiện tại quanh mốc 1650 là nền tích lũy chặt của các nhịp sóng trước. Tuy nhiên kịch bản Vnindex rơi về vùng này sẽ ít có khả năng hơn. Tuần mới thị trường có thể thử thách mốc gần nhất quanh 1700 và có nhiều cơ hội giữ giá phục hồi dần đến sau kỳ nghỉ lễ.
- Về các ngành trọng tâm, các nhóm ngành như ngân hàng, dầu khí, bán lẻ, hóa chất, chứng khoán kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng trong năm nay tuy nhiên dòng tiền hiện vẫn đang trong giai đoạn cơ cấu vì vậy một số nhóm ngành hiện vẫn đang trong giai đoạn bị áp lực bán. Với một thị trường dự báo vẫn tăng trưởng trong trung hạn, nhà đầu tư có thể duy trì chiến lược ưu tiên tận dụng nắm giữ thêm cổ phiếu ở các nhịp điều chỉnh sâu như vừa qua. Tuy nhiên cần duy trì tỷ lệ an toàn cao trong danh mục và chủ động cơ cấu, điều chỉnh danh mục khi cần thiết khi có những biến cố không như dự báo, đặc biệt là trong kỳ nghỉ lễ dài sắp đến.

Thị trường đang chọn lọc các nhóm cổ phiếu tiềm năng đầu tư cho năm 2026. Nhà đầu tư lưu ý các nhóm ngành đang có dòng tiền vào mạnh như nhóm ngân hàng, khu công nghiệp, bán lẻ, dầu khí, nông nghiệp, hóa chất.

**Cổ phiếu quan tâm: MWG, HAG, VIC, FPT, MBB, TCB, DCM, DPM.**

Danh mục cổ phiếu quan tâm trung hạn:

Ngân hàng: **MBB**

Bán lẻ, thực phẩm: **MWG, HAG, FPT**

| STT | CP  | Giá mục tiêu | Lợi suất kỳ vọng (%) | EPS   | PE   | Điểm nhấn đầu tư  |
|-----|-----|--------------|----------------------|-------|------|---|
| 2   | HAG | 22,000       | 30%                  | 1,700 | 9.4  | <ul style="list-style-type: none"> <li>HAG đã tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả, lợi nhuận ổn định đạt 1.000 tỷ đồng năm 2024, quý 1/2025 đạt doanh thu 1.380 tỷ và lợi nhuận 341 tỷ, mục tiêu năm 2025 đạt doanh thu 5.500 tỷ và lợi nhuận sau thuế trên 1.100 tỷ đồng.</li> <li>Triển khai 2.000ha dâu nuôi tằm sản xuất tơ xuất khẩu, 2.000ha cà phê Arabica và thí điểm nuôi 700.000 con cá tằm tại Lào, dự kiến thu hoạch vào tháng 9-10/2025.</li> <li>Khoản vay ngắn hạn hơn 6.000 tỷ đồng, nợ dài hạn 1.435 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH giảm từ 180% (2020) xuống còn 77%, lỗ lũy kế giảm mạnh còn khoảng 82,7 tỷ, kỳ vọng xóa hết lỗ lũy kế trong năm 2025.</li> </ul>  |
| 3   | MWG | 110,000      | 25%                  | 4,800 | 18.5 | <ul style="list-style-type: none"> <li>MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng.</li> <li>BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY.</li> <li>MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động.</li> <li>MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.</li> </ul>   |
| 4   | FPT | 120,000      | 25%                  | 5,500 | 17.7 | <ul style="list-style-type: none"> <li>CTCP Tập đoàn FPT (FPT) khép lại năm 2025 với bức tranh tăng trưởng vững chắc cả về quy mô lẫn chất lượng hoạt động. Doanh thu hợp nhất đạt 70.113 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 13.039 tỷ đồng, lần lượt tăng 11,6% và 17,8%</li> <li>Khối Công nghệ tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng chủ lực, đóng góp 63% doanh thu và 45% lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn, tương ứng 44.475 tỷ đồng doanh thu và 5.883 tỷ đồng lợi nhuận, tăng lần lượt 13,7% và 12,5%.</li> <li>Tổng thể, FPT không chỉ tăng trưởng về số liệu tài chính, mà đang dịch chuyển sang mô hình tập đoàn công nghệ toàn cầu, nơi năng lực công nghệ lõi, dữ liệu và AI trở thành trụ cột cạnh tranh dài hạn.</li> </ul> |
| 4   | MBB | 33,000       | 25%                  | 3,320 | 8.2  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Dư nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, trong đó dư nợ cho vay khách hàng tăng 20%</li> <li>Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2025 đạt 23.139 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ, hoàn thành 73% kế hoạch năm.</li> <li>Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của MB ở mức 1,87%, giảm 0,36% so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu 80%, cao hơn bình quân toàn ngành.</li> <li>Ngân hàng phục vụ hơn 33,9 triệu khách hàng, ghi nhận hơn 9,6 tỷ giao dịch số trong 9 tháng; doanh thu kênh số chiếm ~ 40% tổng doanh thu hệ thống.</li> </ul>  |

## Thông tin cổ phiếu

|              |                 |
|--------------|-----------------|
| Giá mục tiêu | 22,000          |
| % tăng giá   | 25%             |
| Vùng giá mua | 16,000 – 17,000 |
| Giá dừng lỗ  | 14,000          |

## Phân tích kỹ thuật

HAG đang vận động trong xu hướng tăng trung hạn, nhưng giai đoạn hiện tại cho thấy trạng thái đi ngang – tích lũy rõ nét. Giá đóng cửa tại quanh 16, dao động sát vùng MA20 (17,28) và thấp hơn MA50 (17,63), phản ánh lực cầu chưa đủ mạnh để tạo nhịp bứt phá. Dải Bollinger thu hẹp và cấu trúc nền co lại cho thấy thị trường đang trong pha “nén biên”, chờ tín hiệu hướng đi tiếp theo.

## Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- HAG đã có thời gian tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả trong năm qua. Hoạt động kinh doanh đang dần khởi sắc với lợi nhuận năm 2025 tiếp tục duy trì lên 2126 tỷ đồng. 2025 HAG đạt doanh thu 7441 tỷ đồng và lợi nhuận 2126 tỷ- tăng 30% so với cùng kỳ. Năm 2025, HAG đặt mục tiêu doanh thu 5,500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 1,100 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước. HAGL cũng đang đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực mới, bao gồm trồng 2.000ha dâu nuôi tằm để sản xuất tơ xuất khẩu và 2.000ha cà phê Arabica. Song song đó, dự án nuôi cá tằm đang được thí điểm tại Lào với 700.000 con giống, dự kiến cho thu hoạch lứa đầu vào tháng 9 - 10 năm nay.
- Kết quả trên đạt được trong bối cảnh doanh nghiệp đẩy mạnh tiến trình tái cơ cấu tài chính, trọng tâm là xử lý các khoản trái phiếu đã tồn tại trong nhiều năm. Trong năm 2025, công ty đã phát hành 210 triệu cổ phiếu phổ thông nhằm hoán đổi hơn 2.500 tỷ đồng nợ trái phiếu nhóm B cho 6 chủ nợ, qua đó xóa bỏ nghĩa vụ nợ vay tương ứng trước thời điểm đến hạn.
- Theo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, công ty sẽ trồng 2.000 ha cà phê giống Arabica trong năm 2025. Sau khi đã triển khai trồng thực tế đủ 2.000 ha này, Hoàng Anh Gia Lai quyết định đầu tư thêm 1.000 ha cà phê giống Arabica trong năm 2025, nâng tổng diện tích lên 3.000 ha. Hoàng Anh Gia Lai muốn niêm yết Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai trong năm 2026 và niêm yết Công ty cổ phần Gia Súc Lơ Pang trong năm 2027.



| HAG                      | 2020    | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   | 2025   |
|--------------------------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Doanh thu (tỷ VND)       | 3,177   | 2,097  | 5,111  | 6,932  | 5,783  | 7,441  |
| Lợi nhuận (tỷ VND)       | (1,256) | 203    | 1,129  | 1,709  | 1,013  | 2,126  |
| Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)   | 206     | 507    | 1,173  | 1,364  | 2,172  | 2,780  |
| Chi phí lãi vay (tỷ VND) | (1,254) | (972)  | (793)  | 271    | (716)  | (323)  |
| KLCP DLH (triệu CP)      | 927     | 927    | 927    | 927    | 1,057  | 1,267  |
| VCSH (tỷ VND)            | 10,028  | 4,673  | 5,195  | 6,726  | 9,326  | 14,185 |
| Tổng Tài Sản (tỷ VND)    | 37,266  | 18,440 | 19,798 | 21,528 | 22,281 | 26,892 |
| Book Value               | 10,812  | 5,039  | 5,601  | 7,252  | 8,819  | 11,191 |
| EPS                      | (1,354) | 219    | 1,217  | 1,843  | 958    | 1,677  |
| ROE                      | -12.5%  | 4.3%   | 21.7%  | 25.4%  | 10.9%  | 15.0%  |
| Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)    | 8,772   | 2,510  | 4,000  | 4,829  | 5,748  | 6,208  |
| Vay Dài Hạn (tỷ VND)     | 9,331   | 5,777  | 4,165  | 3,082  | 1,217  | 1,693  |
| Tổng Nợ vay (tỷ VND)     | 18,103  | 8,286  | 8,166  | 7,910  | 6,965  | 7,902  |
| Nợ Vay/VCSH              | 180.5%  | 177.3% | 157.2% | 117.6% | 74.7%  | 55.7%  |

## Thông tin cổ phiếu

|              |                 |
|--------------|-----------------|
| Giá mục tiêu | 32,000          |
| % tăng giá   | 20%             |
| Vùng giá mua | 24,000 - 26,000 |
| Giá dừng lỗ  | 22,000          |

## Phân tích kỹ thuật

MBB đang trong xu hướng tăng trung hạn theo xu hướng chung của nhóm cổ phiếu ngân hàng. Từ đầu năm đến nay MBB đã tăng giá trên 70% lên vùng đỉnh cao nhất 30 vì vậy giá MBB đang trong giai đoạn tích lũy. Vùng hỗ trợ MBB quanh 26-27 là đường MA50 trung hạn. Các vị thế tích lũy có thể mở ra khi giá về quanh vùng này. Mục tiêu trung và dài hạn của MBB là 30-35

## Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Ngân hàng TMCP Quân đội MBB công bố kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2025, ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô, hiệu quả và chất lượng tài sản, khẳng định sức bật nội lực giữa thị trường biến động.
- Tổng tài sản đạt 1.615 triệu tỷ đồng, tăng 43% so với đầu năm, thuộc nhóm cao nhất hệ thống. Dư nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, với dư nợ cho vay khách hàng tăng 40%, SME tăng 18,5%, bán lẻ tăng 15,8%. Doanh thu (TOI) đạt 48.165 tỷ đồng, tăng 24%; thu thuần dịch vụ tăng 40% so với cùng kỳ.
- Song song với tăng trưởng tài chính, MB tiếp tục củng cố vị thế ngân hàng số tiên phong. Đến cuối năm 2025, ngân hàng phục vụ khoảng 35 triệu khách hàng, xử lý hơn 11 tỷ giao dịch, trong đó 98,8% thực hiện trên kênh số – một chỉ báo cho thấy hành vi khách hàng đã dịch chuyển căn bản sang môi trường số. Đáng chú ý, việc ứng dụng AI và Big Data trong phê duyệt tín dụng đã giúp MB cấp hạn mức gần 70 nghìn tỷ đồng, cho thấy chuyển đổi số không còn dừng ở chiến lược hay thông điệp truyền thông, mà đã trở thành năng lực vận hành cốt lõi, tạo ra giá trị thực chất về hiệu quả, kiểm soát rủi ro và tốc độ tăng trưởng.
- Năm 2025, MBB đạt lợi nhuận hơn hơn 27 ngàn tỷ đồng, tăng 19.3% so với cùng kỳ. MBB hiện vẫn là ngân hàng có tỷ lệ CASA ấn tượng hơn 36%, nợ xấu ở mức thấp 1.3% - giảm mạnh so với 1.6% 2024 và tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức 93%.



| MBB                      | 2020   | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   | 2025.9T |
|--------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|
| Tỷ lệ CASA               | 37.0%  | 44.6%  | 37.6%  | 38.1%  | 38.0%  | 35.9%   |
| CAR (%)                  | 10.4%  | 11.3%  | 11.5%  | 10.8%  | 11.8%  | 11.8%   |
| Tăng trưởng tín dụng (%) | 18.9%  | 20.7%  | 26.4%  | 33.7%  | 27.6%  | 32.8%   |
| EPS (VND)                | 2,756  | 3,146  | 3,856  | 3,966  | 3,931  | 692     |
| P/B                      | 1.7    | 1.2    | 1.3    | 1.3    | 1.1    | 1.5     |
| BVPS (VND)               | 17,117 | 15,768 | 16,751 | 17,786 | 21,135 | 15,822  |
| ROE (%)                  | 19.2%  | 23.6%  | 25.8%  | 24.5%  | 22.1%  | 20.2%   |
| NIM (%)                  | 4.7%   | 5.0%   | 5.7%   | 4.8%   | 4.1%   | 4.0%    |
| LDR (%)                  | 94.5%  | 92.2%  | 101.1% | 105.6% | 107.1% | 116.5%  |
| Tỷ lệ nợ xấu (%)         | 1.1%   | 0.9%   | 1.1%   | 1.6%   | 1.6%   | 1.9%    |
| Dự phòng RR/ Nợ xấu (%)  | 134.1% | 268.0% | 238.0% | 117.0% | 92.2%  | 79.2%   |
| Vốn CSH/ Tài sản         | 10.1%  | 10.3%  | 10.9%  | 10.2%  | 10.4%  | 10.0%   |

## Thông tin cổ phiếu

|              |                 |
|--------------|-----------------|
| Giá mục tiêu | 110,000         |
| % tăng giá   | 20%             |
| Vùng giá mua | 80,000 - 85,000 |
| Giá dừng lỗ  | 75,000          |

## Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2025 cùng kế hoạch kinh doanh năm 2026, ghi nhận nhiều chỉ tiêu tăng trưởng mạnh và ở mức cao kỷ lục. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế quý IV/2025 đạt 2.071 tỷ đồng, tăng hơn 2,4 lần so với cùng kỳ. Lũy kế cả năm 2025, MWG ghi nhận 7.036 tỷ đồng lợi nhuận ròng, tăng 89% so với năm trước, phản ánh sự phục hồi rõ nét của hoạt động bán lẻ.

Bước sang năm 2026, MWG đặt mục tiêu doanh thu tăng 18% và lợi nhuận sau thuế tăng 30%, cho thấy kỳ vọng cải thiện mạnh mẽ hiệu quả vận hành. Trong đó, Điện Máy Xanh tiếp tục là trụ cột chính, dự kiến đóng góp khoảng 65% doanh thu và 80% lợi nhuận toàn tập đoàn. Chuỗi này đặt mục tiêu tăng trưởng 15% doanh thu và 20% lợi nhuận, với chiến lược tập trung vào dịch vụ trọn vòng đời sản phẩm. Mạng dịch vụ Thợ Điện Máy Xanh được định hướng phát triển thành nền tảng đa dịch vụ, không chỉ phục vụ nội bộ mà còn mở rộng ra thị trường sửa chữa, bảo trì cho hộ gia đình.

Ở thị trường quốc tế, chuỗi EraBlue tại Indonesia dự kiến mở rộng lên 300 cửa hàng trong năm 2026, hướng tới tăng trưởng doanh thu 30% và từng bước chuẩn bị cho lộ trình IPO.

Trong khi đó, Bách Hóa Xanh được kỳ vọng đóng góp khoảng 30% doanh thu và 20% lợi nhuận, với mục tiêu tăng trưởng doanh thu trên 20%. Động lực chính đến từ tối ưu cửa hàng hiện hữu, mở mới khoảng 1.000 điểm bán và cải thiện biên lợi nhuận theo mô hình "siêu thị gần nhà – giá tiết kiệm".

Ngoài ra, các chuỗi An Khang và AvaKids được đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu 20–30% trong năm 2026, đồng thời duy trì trạng thái kinh doanh có lãi, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái bán lẻ đa ngành của MWG.

## Phân tích kỹ thuật

MWG đang duy trì xu hướng tăng trung hạn rõ ràng. Giá hiện tại 92,9 đã vượt lên trên toàn bộ các đường trung bình quan trọng: MA20 (86,9), MA50 (84,5) và MA100 (82,6). Cấu trúc "higher high – higher low" được giữ vững từ cuối tháng 11 đến nay cho thấy xu hướng tăng vẫn đang chiếm ưu thế. Việc giá bứt lên vùng cao mới đi kèm cây nến tăng mạnh cuối tuần củng cố tín hiệu tiếp diễn xu hướng.



| MWG                      | 2020    | 2021    | 2022    | 2023    | 2024    | 2025    |
|--------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| Doanh thu (tỷ VND)       | 108,546 | 122,958 | 133,405 | 118,280 | 134,341 | 156,458 |
| Lợi nhuận (tỷ VND)       | 3,918   | 4,899   | 4,100   | 168     | 3,722   | 7,037   |
| Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)   | 23,954  | 27,632  | 30,862  | 22,521  | 27,499  | 30,294  |
| Chi phí lãi vay (tỷ VND) | (594)   | (674)   | (1,362) | (1,448) | (1,137) | 1,471   |
| KLCP DLH (triệu CP)      | 453     | 713     | 1,464   | 1,463   | 1,462   | 1,470   |
| VCSH (tỷ VND)            | 15,482  | 20,378  | 23,933  | 23,360  | 28,122  | 33,179  |
| Tổng Tài Sản (tỷ VND)    | 46,031  | 62,971  | 55,834  | 60,111  | 70,438  | 83,959  |
| Book Value               | 34,160  | 28,578  | 16,349  | 15,963  | 19,232  | 22,575  |
| EPS                      | 8,644   | 6,870   | 2,801   | 115     | 2,545   | 4,788   |
| ROE                      | 25.3%   | 24.0%   | 17.1%   | 0.7%    | 13.2%   | 21.2%   |
| Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)    | 15,625  | 24,647  | 10,688  | 19,129  | 27,300  | 29,931  |
| Vay Dài Hạn (tỷ VND)     | 1,127   | -       | 5,901   | 5,985   | -       | -       |
| Tổng Nợ vay (tỷ VND)     | 16,752  | 24,647  | 16,589  | 25,114  | 27,300  | 29,931  |
| Nợ Vay/VCSH              | 108.2%  | 120.9%  | 69.3%   | 107.5%  | 97.1%   | 90.2%   |

## Thông tin cổ phiếu

|              |                 |
|--------------|-----------------|
| Giá mục tiêu | 120,000         |
| % tăng giá   | 23.5%           |
| Vùng giá mua | 90,000 - 95,000 |
| Giá dừng lỗ  | 85,000          |

## Phân tích kỹ thuật

FPT đang tích lũy đi ngang sau giai đoạn tăng tốc năm 2024. Nền giá thấp nhất của FPT hiện tại quanh 85 trong khi mức giá hiện tại không cách quá xa mốc này.

FPT là cổ phiếu tăng trưởng dài hạn và có lợi nhuận tăng trưởng ổn định nhất so với nhiều doanh nghiệp khác. Giá FPT kỳ vọng tích lũy quanh vùng 95 và có thể tăng tốc vượt lên MA200 trong năm nay lên trên 100.

## Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- CTCP Tập đoàn FPT (FPT) khép lại năm 2025 với bức tranh tăng trưởng vững chắc cả về quy mô lẫn chất lượng hoạt động. Doanh thu hợp nhất đạt 70.113 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 13.039 tỷ đồng, lần lượt tăng 11,6% và 17,8% so với năm trước, phản ánh hiệu quả vận hành cải thiện rõ rệt trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động. Đáng chú ý, FPT trúng thầu 26 dự án quy mô trên 10 triệu USD, trong khi doanh số ký mới mảng Dịch vụ CNTT nước ngoài vượt 1,5 tỷ USD, cho thấy năng lực cạnh tranh quốc tế và đà mở rộng thị trường toàn cầu ngày càng rõ nét.
- Khối Công nghệ tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng chủ lực, đóng góp 63% doanh thu và 45% lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn, tương ứng 44.475 tỷ đồng doanh thu và 5.883 tỷ đồng lợi nhuận, tăng lần lượt 13,7% và 12,5%. Trong đó, Dịch vụ CNTT nước ngoài là điểm sáng nổi bật với doanh thu ký mới 40.636 tỷ đồng (hơn 1,5 tỷ USD), tăng 23%, còn doanh thu chuyển đổi số từ thị trường quốc tế đạt 16.751 tỷ đồng, tăng 16,8%, tập trung vào các trụ cột công nghệ như Cloud, AI và Data Analytics. Ở thị trường trong nước, Dịch vụ CNTT tăng trưởng doanh thu, nhưng biên lợi nhuận chịu áp lực do chi phí và cạnh tranh, phản ánh đặc trưng của giai đoạn đầu tư chiều sâu.
- Năm 2025 cũng đánh dấu bước chuyển chiến lược quan trọng của FPT trong lộ trình AI-First: đưa vào vận hành hai AI Factory tại Việt Nam và Nhật Bản, ký các hợp đồng chuyển đổi số quy mô lớn hàng trăm triệu USD, và mở rộng hiện diện toàn cầu thông qua M&A và hợp tác chiến lược. Tổng thể, FPT không chỉ tăng trưởng về số liệu tài chính, mà đang dịch chuyển sang mô hình tập đoàn công nghệ toàn cầu, nơi năng lực công nghệ lõi, dữ liệu và AI trở thành trụ cột cạnh tranh dài hạn.



| FPT                      | 2020   | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   | 2025   |
|--------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Doanh thu (tỷ VND)       | 29,830 | 35,657 | 44,010 | 52,618 | 62,849 | 70,113 |
| Lợi nhuận (tỷ VND)       | 3,538  | 4,337  | 5,310  | 6,465  | 7,857  | 9,369  |
| Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)   | 11,814 | 13,632 | 17,167 | 20,320 | 23,698 | 25,895 |
| Chi phí lãi vay (tỷ VND) | (385)  | (484)  | (646)  | (833)  | (552)  | 810    |
| KLCP DLH (triệu CP)      | 784    | 908    | 1,097  | 1,270  | 1,471  | 1,704  |
| VCSH (tỷ VND)            | 18,606 | 21,415 | 25,356 | 29,933 | 35,728 | 43,751 |
| Tổng Tài Sản (tỷ VND)    | 41,734 | 53,698 | 51,650 | 60,283 | 72,000 | 88,090 |
| Book Value               | 23,732 | 23,597 | 23,114 | 23,570 | 24,287 | 25,683 |
| EPS                      | 4,513  | 4,779  | 4,840  | 5,091  | 5,341  | 5,500  |
| ROE                      | 19.0%  | 20.3%  | 20.9%  | 21.6%  | 22.0%  | 21.4%  |
| Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)    | 12,062 | 17,799 | 10,904 | 13,838 | 14,446 | 19,170 |
| Vay Dài Hạn (tỷ VND)     | 678    | 2,296  | 1,478  | 208    | 501    | 1,904  |

# LỊCH SỰ KIỆN



| Thứ 2  | Thứ 3  | Thứ 4  | Thứ 5  | Thứ 6  |
|--|--|--|--|--|
|  <p>Sự kiện thúc đẩy hợp tác công nghệ giữa Anh (Châu Âu) và Đông Nam Á, tập trung vào đổi mới và đầu tư. Ảnh hưởng: Tăng cường đầu tư công nghệ khu vực, tích cực cho cổ phiếu công nghệ châu Á và VN, có thể đẩy mạnh xuất khẩu dịch vụ số.</p> |  <p>Thảo luận chuyển đổi năng lượng bền vững giữa Đông Nam Á và Nam Á. Ảnh hưởng: Thúc đẩy đầu tư xanh, tích cực cho cổ phiếu năng lượng tái tạo ở VN, Trung Quốc và khu vực, giảm rủi ro biến đổi khí hậu.</p> |  <p>Chỉ số lạm phát cốt lõi, ảnh hưởng lớn đến chính sách Fed. Ảnh hưởng: Nếu thấp, tăng khả năng cắt lãi suất, đẩy USD yếu, lợi cho thị trường chứng khoán toàn cầu và xuất khẩu từ Nhật Bản, Hàn Quốc</p>         |  <p>Các phiên phụ về trách nhiệm xã hội trong ngành thời trang. Ảnh hưởng: Khuyến khích cải cách bền vững, tích cực lâu dài cho cổ phiếu xanh ở Châu Âu và châu Á, giảm rủi ro lao động ở VN.</p> |  <p>Kết nối kinh doanh và thỏa thuận tiềm năng. Ảnh hưởng: Kết quả có thể dẫn đến hợp đồng mới, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế số ở VN, Hàn Quốc, tích cực cho thị trường chứng khoán châu Á.</p> |
|  <p>Thủ tướng Sanae Takaichi dự kiến củng cố quyền lực với cuộc bầu cử sớm. Ảnh hưởng: Nếu thắng lợi, ổn định chính trị, tăng niềm tin thị trường, đẩy JPY mạnh lên và cổ phiếu Nhật tăng.</p>   |  <p>Các phiên họp về đầu tư và hợp tác kinh tế. Ảnh hưởng: Củng cố quan hệ thương mại Anh-Á, có thể tăng dòng vốn FDI vào VN và Hàn Quốc, hỗ trợ tăng trưởng GDP khu vực.</p>                                  |  <p>Chỉ số giá tiêu dùng hàng tháng, dự kiến phản ánh lạm phát. Ảnh hưởng: Nếu cao hơn dự báo, có thể làm CNY yếu đi, ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu châu Á, nhưng kích thích chính sách kích thích kinh tế.</p> |  <p>Tập trung học hỏi xuyên khu vực. Ảnh hưởng: Hỗ trợ chính sách năng lượng, có thể tăng đầu tư hạ tầng ở VN và Trung Quốc, ổn định giá dầu và hàng hóa.</p>                                    |  <p>Công bố đổi mới công nghệ. Ảnh hưởng: Tăng niềm tin vào ngành IT, hỗ trợ cổ phiếu công nghệ Mỹ-Âu, gián tiếp lợi cho nhà cung cấp châu Á như Nhật Bản và Trung Quốc.</p>                   |

| STT | Mã CK | Sàn   | Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC  | Ngày thực hiện | Nội dung sự kiện   | Loại Sự kiện             |
|-----|-------|-------|------------|------------|----------------|--|--------------------------|
| 1   | LSS   | HOSE  | 25/02/2026 | 26/02/2026 | 19/06/2026     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 2   | HPD   | UPCoM | 24/02/2026 | 25/02/2026 | 5/3/2026       | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 500 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 3   | VSH   | HOSE  | 13/02/2026 | 23/02/2026 | 10/4/2026      | Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 4   | EBS   | HNX   | 13/02/2026 | 23/02/2026 | 28/04/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 800 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 5   | BCM   | HOSE  | 12/2/2026  | 13/02/2026 | 13/03/2026     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,100 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 6   | USD   | UPCoM | 11/2/2026  | 12/2/2026  | 27/02/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,520 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 7   | DAE   | HNX   | 11/2/2026  | 12/2/2026  | 3/3/2026       | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,200 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 8   | DHN   | UPCoM | 11/2/2026  | 12/2/2026  | 6/3/2026       | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 9   | FCM   | HOSE  | 9/2/2026   | 10/2/2026  | 12/3/2026      | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 150 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 10  | BAB   | HNX   | 6/2/2026   | 9/2/2026   |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:687   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 11  | CLC   | HOSE  | 5/2/2026   | 6/2/2026   | 6/3/2026       | Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 12  | HCM   | HOSE  | 5/2/2026   | 6/2/2026   | 10/3/2026      | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 400 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 13  | PAI   | UPCoM | 5/2/2026   | 6/2/2026   | 6/3/2026       | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 800 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 14  | BIG   | UPCoM | 4/2/2026   | 5/2/2026   |                | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1000000000:943410406.684874, giá 10,000 đồng/CP | Phát hành thêm           |
| 15  | GVT   | UPCoM | 4/2/2026   | 5/2/2026   | 5/3/2026       | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 3,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 16  | VGT   | UPCoM | 3/2/2026   | 4/2/2026   | 6/3/2026       | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 300 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 17  | BWE   | HOSE  | 3/2/2026   | 4/2/2026   | 20/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,300 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 18  | SEB   | HNX   | 2/2/2026   | 3/2/2026   | 10/2/2026      | Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 900 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 19  | ITD   | HOSE  | 30/01/2026 | 2/2/2026   | 12/2/2026      | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 20  | DPH   | UPCoM | 27/01/2026 | 28/01/2026 | 6/2/2026       | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

### Phòng phân tích

Email: [research@ocbs.com.vn](mailto:research@ocbs.com.vn)



**THANK YOU**